

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Nguyễn Thị Loan**
Giảng viên hướng dẫn: **PGS.TS.Trương Thị Thủy**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Loan
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS.Trương Thị Thủy**

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Loan

Mã SV: 110001

Lớp: QT1105K

Ngành: Kế toán-kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.
 - Đề xuất các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.
 - Số liệu về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trương Thị Thủy

Học hàm, học vị: PGS.Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Học viện Tài chính

Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Sự cần thiết.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.	2
5. Kết cấu của khoá luận:	2
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh:.....	3
1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.1.3. Yêu cầu của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	5
1.2. Một số khái niệm, điều kiện ghi nhận doanh thu.....	6
1.2.1. Khái niệm	6
1.2.2..Một số nguyên tắc ghi nhận doanh thu:	6
1.3.Một số khái niệm, nguyên tắc hạch toán kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	8
1.3.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.3.2.Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.3. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.	9
1.3.1.Khái niệm	9
1.3.2. Các phương thức bán hàng.....	9

1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.....	10
1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	10
1.4.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	13
1.4.2.Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	15
1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	15
1.4.2.3.Chi phí bán hàng:	16
1.4.2.4.Chi phí quản lý doanh nghiệp.	17
1.4.3.Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	20
1.4.3.1.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	20
1.4.3.2.Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	20
1.4.4.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	23
1.4.4.1.Kế toán thu nhập khác.....	23
1.4.4.2. Kế toán chi phí khác.....	25
1.4.5.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.5. Các hình thức, sổ sách, báo cáo kế toán sử dụng trong doanh nghiệp.....	29
1.5.1. Các hình thức kế toán.....	29
1.5.2. Chứng từ sử dụng.....	29
1.5.3. Sổ kế toán sử dụng	29
1.5.4. Hệ thống báo cáo kế toán.....	30
CHƯƠNG II: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG	31
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.	31
2.1.2.Đặc điểm hoạt động của công ty.....	32
2.1.2.1. Mục tiêu hoạt động của công ty:.....	32
2.1.2.2.. Các ngành nghề kinh doanh của công ty:	32

2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty	33
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán	38
2.1.5. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại Công ty:.....	40
2.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.....	41
2.2.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ hàng hoá tại Công ty	41
2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	42
2.2.2.1. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:.....	42
2.2.2.2. Hạch toán doanh thu bán hàng:.....	43
2.2.3. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	51
2.2.4. Hạch toán giá vốn hàng bán	51
2.2.5. Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	56
2.2.5.1. Hạch toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp.....	56
2.2.5.2. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp:.....	60
2.2.6. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	65
2.2.7. Hạch toán chi phí tài chính.....	69
2.2.8. Hạch toán thu nhập khác	72
2.2.9. Hạch toán chi phí khác	72
2.2.10 Xác định kết quả kinh doanh.....	73
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG.	79
3.1 Các nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	79
3.1.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	79
3.1.2 Nguyên tắc của việc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh...	79
3.2 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	80

3.2.1.Ưu điểm trong công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.	80
3.2.2 Hạn chế trong công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.	84
3.3 Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	85
3.3.1. Sự tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	85
3.3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	86
KẾT LUẬN	93

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Thế giới WTO, điều này mở ra rất nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng không ít thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Các doanh nghiệp đứng trước hai khả năng hoặc là phá sản hoặc là phát triển bền vững. Bởi vậy, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Mỗi doanh nghiệp đứng trước sự cạnh tranh gay gắt đòi hỏi phải tự hoàn thiện mình ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông, phân phối đến tiêu thụ. Phải làm cho tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp vững mạnh, ổn định. Những thông tin tài chính là vô cùng quan trọng. Vậy làm thế nào để thấy rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp? Chính là nhờ vào các thông tin của hệ thống kế toán trong mỗi doanh nghiệp tập hợp, thu thập và xử lý cung cấp thông tin cho tất cả các đối tượng có quan tâm. Đó chính là tầm quan trọng của thông tin kế toán.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua thời gian tìm hiểu thực tế tình hình tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng, kết hợp với lý thuyết đã được học ở trường, những hiểu biết về các nghiệp vụ kinh tế nên em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng” cho khoá luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hoá để làm rõ những nhận thức chung nhất về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phạm vi nghiên cứu: Chỉ nghiên cứu và hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

Về mặt lý luận: Luận văn góp phần làm rõ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Về mặt thực tiễn: Luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

5. Kết cấu của khoá luận:

Phần nội dung chính của khoá luận được xây dựng gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

Trong quá trình viết bài, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện của các cô chú phòng Kế toán - Tài chính và toàn thể Ban lãnh đạo của công ty, các thầy cô khoa QTKD, các thầy cô bộ môn kế toán và cô giáo hướng dẫn PGS.TS. Trương Thị Thủy, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Tuy nhiên, do trình độ lý luận, thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khoá luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I:

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP**

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân nói chung và trong doanh nghiệp nói riêng.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp quản lý được tổng doanh thu, tổng chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng; là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định; là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta mới đi đến việc xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Mục đích cuối cùng trong kinh doanh đối với bất kì doanh nghiệp nào là tối đa hóa lợi nhuận và phát triển bền vững. Tuy nhiên, trước khi tạo ra được lợi nhuận doanh nghiệp đã phải đầu tư và tốn rất nhiều chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh. Một doanh nghiệp phát triển bền vững là nhân tố quan trọng thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển. Chính vì vậy, tiết kiệm được càng nhiều chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ càng tăng lên, và chủ sở hữu sẽ tiến dần đến mục tiêu của mình. Vì vậy, nắm vững được công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ biết được tổng chi phí bạn sẽ đặt được giá bán sao cho có lợi nhuận, kiểm soát và giảm các chi phí, đưa ra các chiến lược kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng doanh thu, đồng thời đưa ra các quyết định đúng đắn trong kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh cho tương lai, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để làm tốt công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần nắm vững các nhiệm vụ sau đây:

Ghi chép, phản ánh, theo dõi kịp thời, chính xác công tác mua hàng, bán hàng về mặt số lượng, kết cấu, chủng loại, quy cách, kiểu cỡ, giá cả của các loại hàng mua, hàng bán và thời điểm mua hàng, bán hàng, theo từng phương thức mua hàng, bán hàng.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch mua hàng, bán hàng theo từng nguồn hàng, từng hợp đồng, từng đơn đặt hàng, từng khách hàng, từng loại hàng và tình hình thanh toán tiền hàng.

Xác định kịp thời, chính xác giá thực tế của hàng đã mua, tính toán chính xác tổng trị giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng mặt hàng, nhóm hàng, hóa đơn, khách hàng và từng đơn vị trực thuộc, xác định cụ thể giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ (giá vốn của hàng bán ra) và phân bổ chi phí thu mua cho từng hàng đã tiêu thụ.

Quản lý thu hồi tiền hàng, khách nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, lô hàng, số tiền, thời hạn thanh toán và tình hình thanh toán.

Tập hợp đầy đủ, chính xác chi phí bán hàng thực tế phát sinh, phân bổ hợp lý, kết chuyển đúng quy định các chi phí bán hàng cho hàng đã tiêu thụ.

Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin về mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán và kinh doanh của doanh nghiệp.

Cung cấp các thông tin mua , bán hàng cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

1.1.3. Yêu cầu của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán.

Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.

Phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.

Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế, tài chính, từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động của đơn vị kế toán; số liệu kế toán phản ánh kỳ này phải kế tiếp theo số liệu kế toán của kỳ trước, từ đó phân loại, sắp xếp thông tin, số liệu theo trình tự, có hệ thống và có thể so sánh được.

1.2. Một số khái niệm, điều kiện ghi nhận doanh thu.

1.2.1. Khái niệm

- *Doanh thu*: Là tổng hợp giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động sản xuất thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (Nếu có).

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

- *Doanh thu trợ cấp, trợ giá*: Bao gồm các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- *Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*: Bao gồm doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

1.2.2..Một số nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu phải tuân thủ nguyên tắc ghi nhận một khoản chi phí tương đương có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ, chuẩn mực cũng quy định: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả

kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

1.3. Một số khái niệm, nguyên tắc hạch toán kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3.2. Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

Xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, hàng hoá, từng loại dịch vụ.

Các khoản doanh thu và thu nhập khác được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

1.3. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

1.3.1. Khái niệm

Bán hàng là việc chuyển quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa gắn với phần lớn lợi ích hoặc rủi ro cho khách hàng, đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

1.3.2. Các phương thức bán hàng.

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức gửi hàng:* Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- *Phương thức bán thông qua đại lý:* Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- *Phương thức bán hàng trả góp:* Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- *Phương thức bán hàng trả chậm:* Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

- *Phương thức bán hàng đổi hàng:* Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao

đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}}{\text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}} \times$$

1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động....

➤ Tài khoản sử dụng:

❖ Trường hợp bán ra ngoài doanh nghiệp: **Tài khoản 511-** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản này có 5 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

❖ Trường hợp tiêu thụ nội bộ: **Tài khoản 512-** Doanh thu bán hàng nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

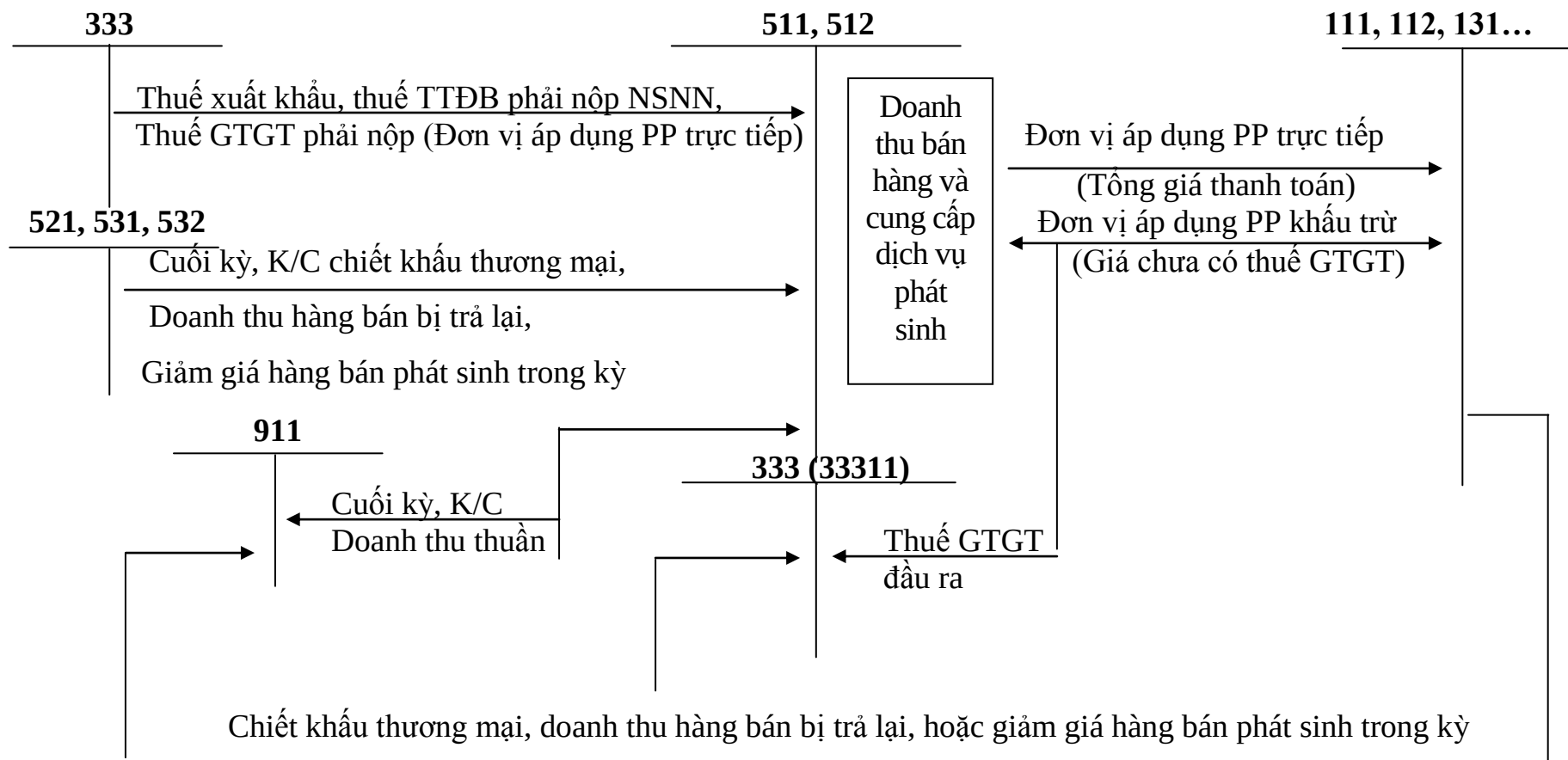
- Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hoá: Phản ánh doanh thu của khối lượng hàng hoá đã được xác định là đã bán nội bộ trong kỳ kế toán. Tài khoản này

chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp thương mại như: Doanh nghiệp cung ứng vật tư, lương thực...

– Tài khoản 5122- Doanh thu bán các thành phẩm: Phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm cung cấp giữa các đơn vị trong cùng Công ty hay Tổng công ty. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp sản xuất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp...

– Tài khoản 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu của khối lượng dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị trong cùng công ty, Tổng công ty. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, du lịch, bưu điện...

Sơ đồ 1.1: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ



Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng - Chiết khấu - Doanh thu hàng - Doanh thu hàng - Thuế XK, TTĐB phải
 Và CC dịch vụ thương mại bán bị trả lại giảm giá nộp NSNN, thuế
 GTGT phải nộp

1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán,....

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà người bán đã thanh toán hoặc sẽ thanh toán cho người mua vì lý do người mua hàng với khối lượng lớn đã được thỏa thuận trước trong hợp đồng hoặc trong cam kết mua bán.

Hàng bán bị trả lại: Là giá trị sản phẩm, hàng hoá hay đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

+ Thuế xuất khẩu: Là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.

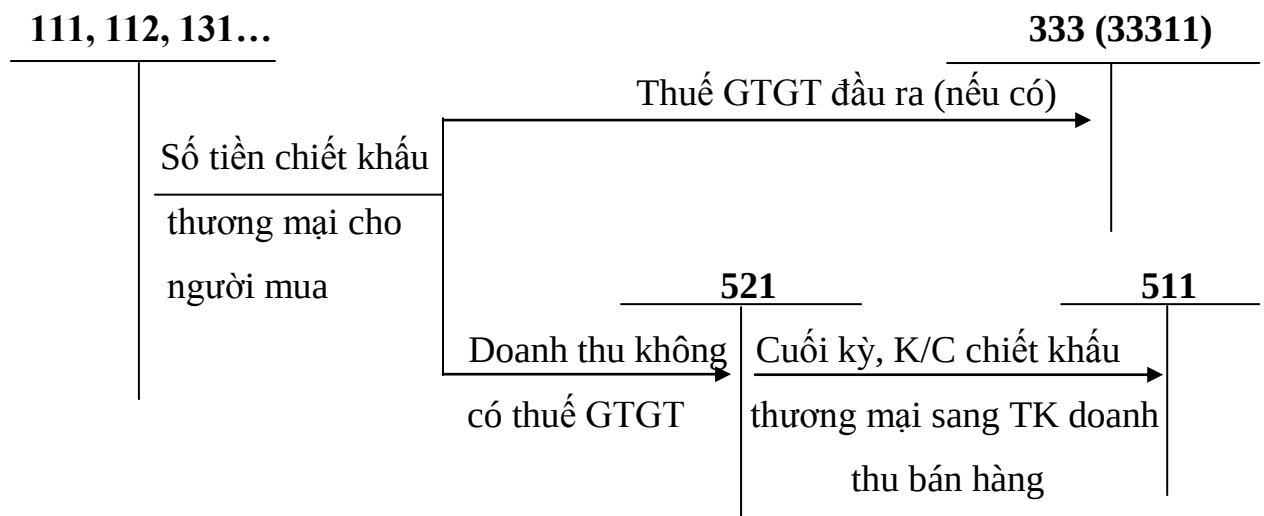
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội.

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: Là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hoá đã tiêu thụ trong kỳ theo mức thuế suất đã quy định, doanh nghiệp đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu.

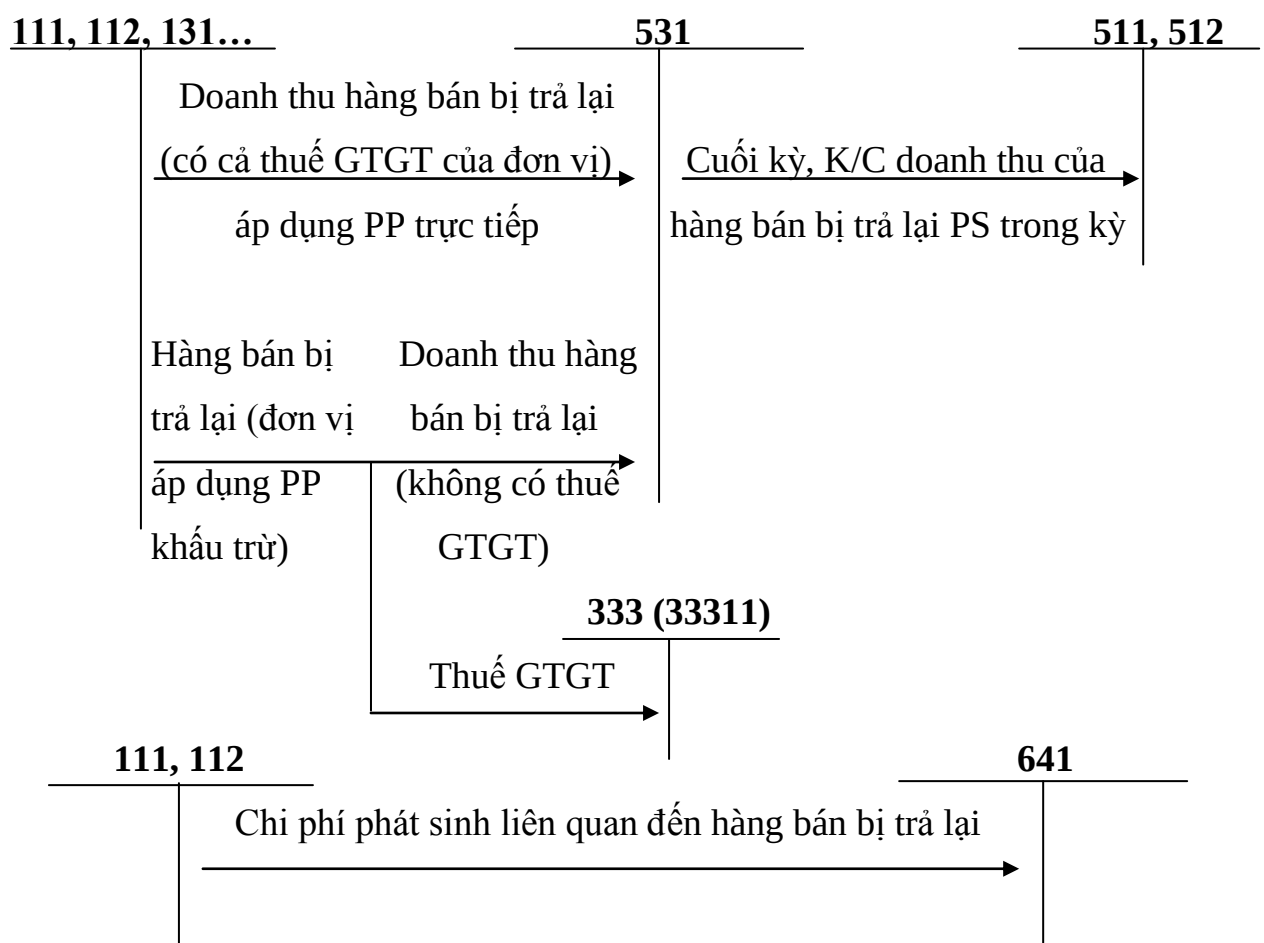
Tài khoản sử dụng:

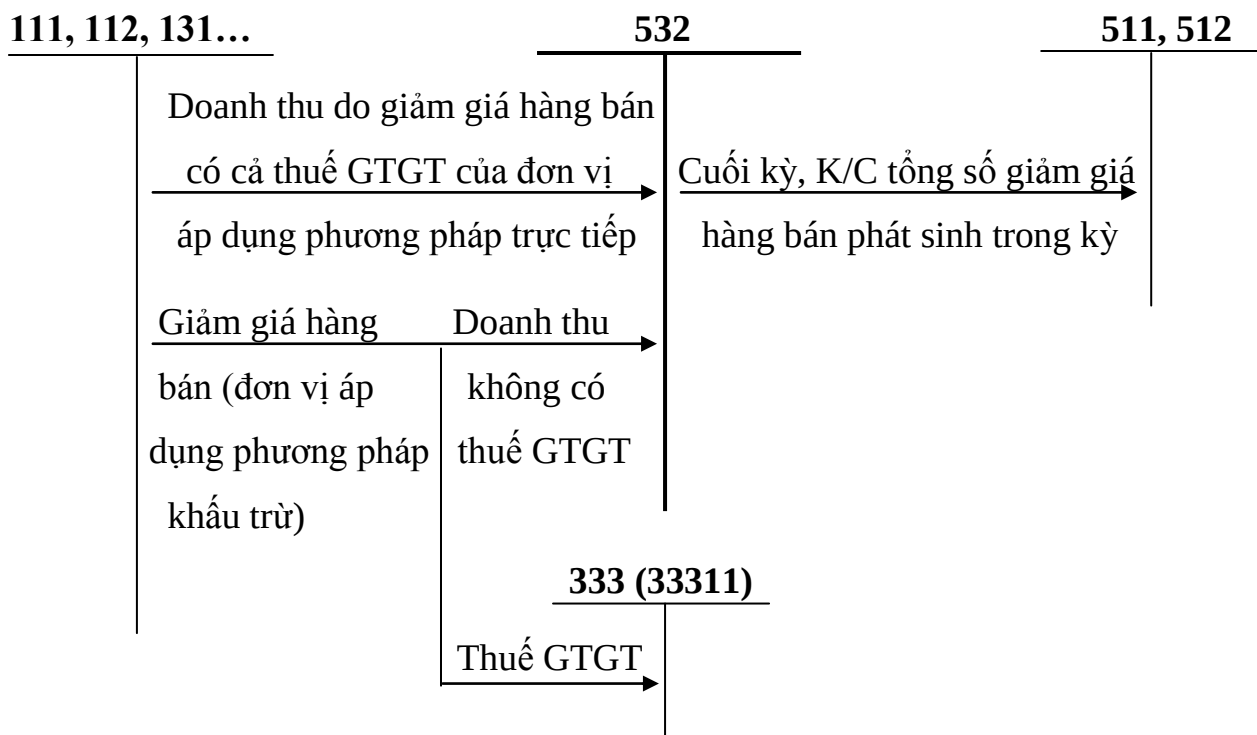
- **Tài khoản 521**-Chiết khấu thương mại
- **Tài khoản 531**-Hàng bán bị trả lại. Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (Tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn) và số lượng hàng trả lại. Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641 “ Chi phí bán hàng”
- **Tài khoản 532**-Giảm giá hàng bán. Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng, sau khi đã phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Sơ đồ 1.2: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI
(Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.3: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI





1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán .

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (Trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đối với Doanh nghiệp sản xuất), là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa (đối với Doanh nghiệp thương mại).

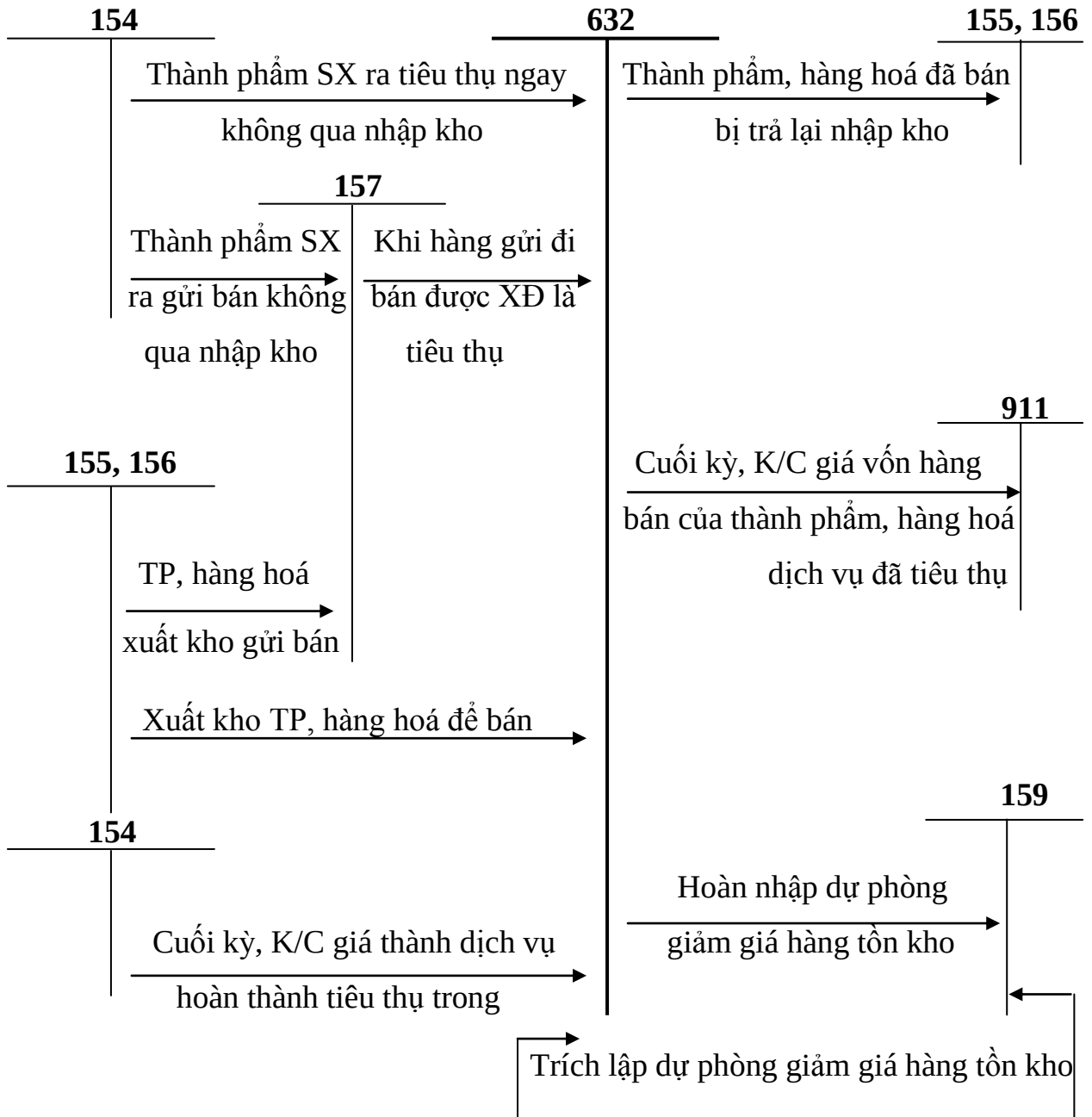
Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:

- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước-xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước
- Phương pháp thực tế đích danh

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 632 -Giá vốn hàng bán.**

Sơ đồ 1.5: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



1.4.2.3. Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 641 – Chi phí bán hàng.**

Tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.4.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí phục vụ cho hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm một số nội dung:

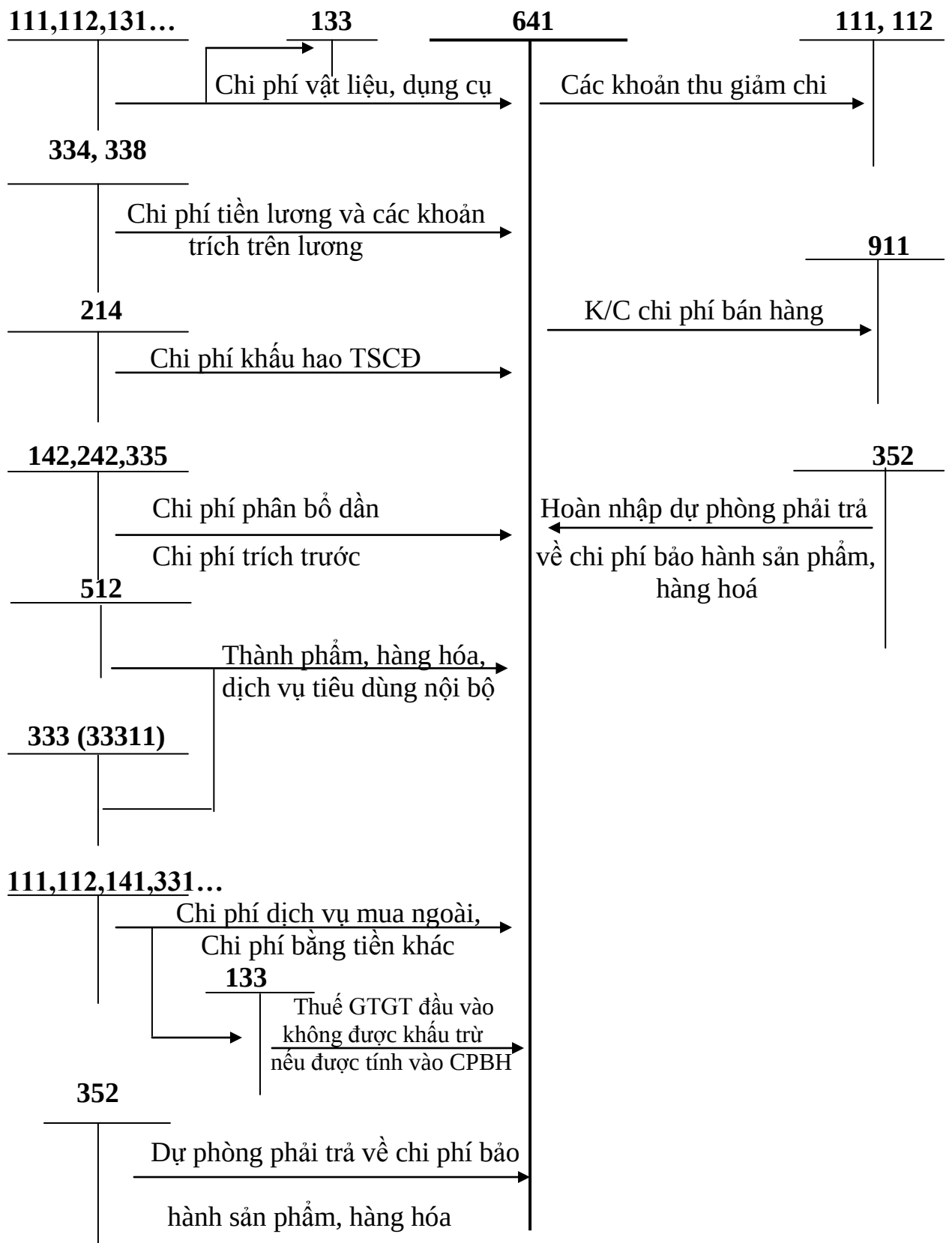
- Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên QLDN
- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp
- Tiền thuê đất, thuê môn bài
- Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi
- Dịch vụ mua ngoài (điện , nước....)
- Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

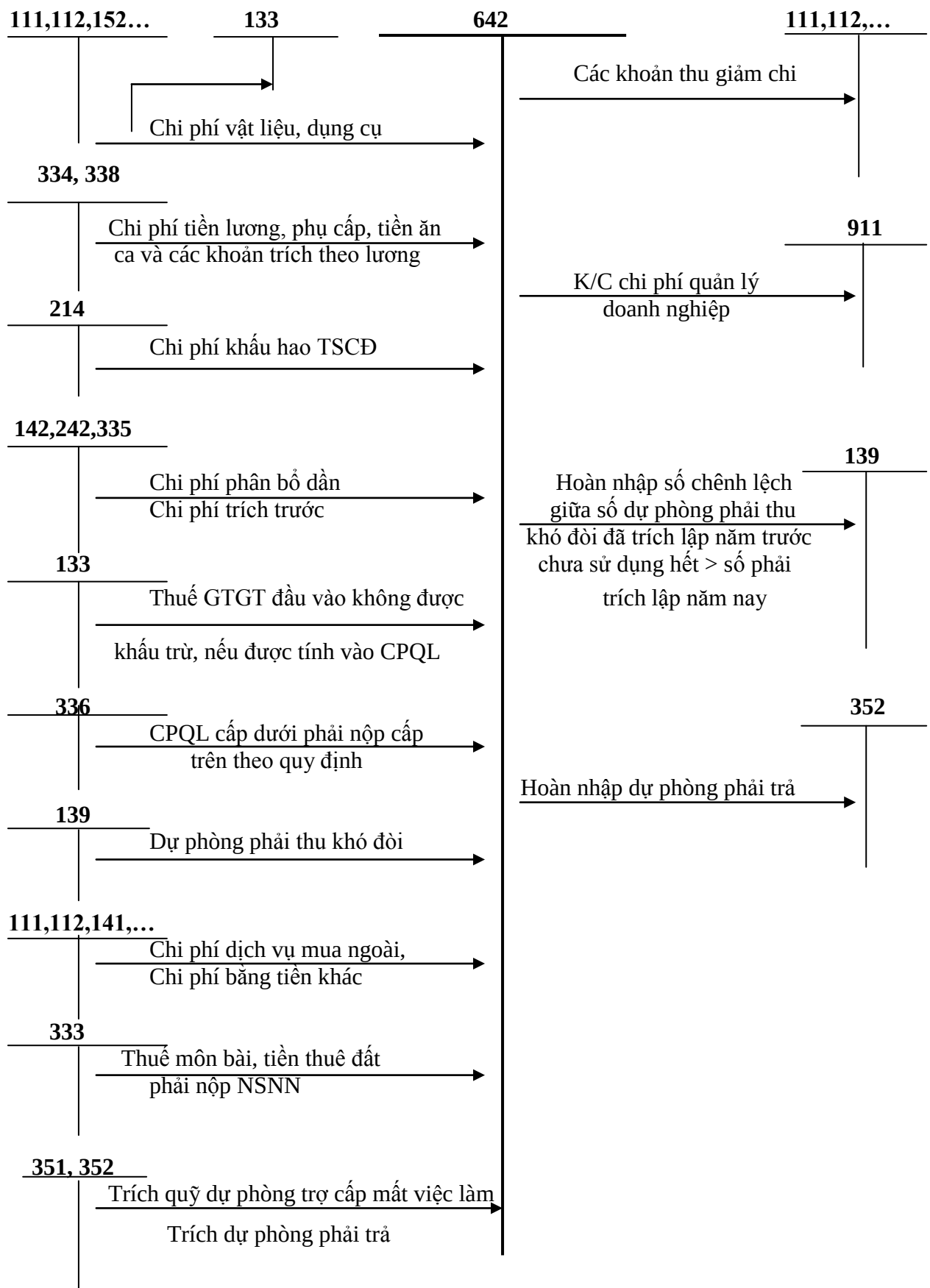
Tài khoản này có 8 TK cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.6: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG



Sơ đồ 1.7: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP



1.4.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

1.4.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính, bao gồm một số nội dung sau:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

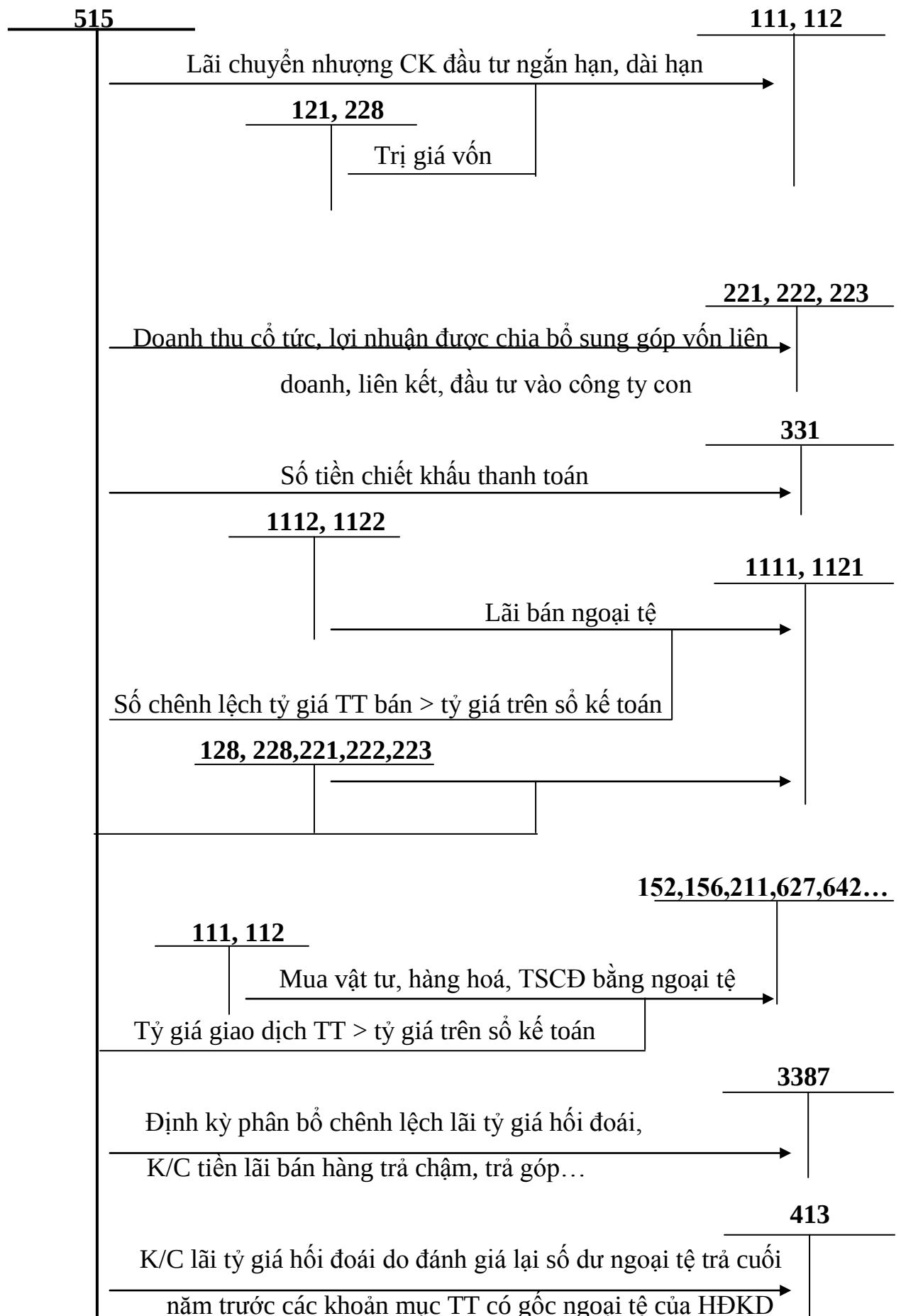
1.4.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính, bao gồm một số nội dung sau:

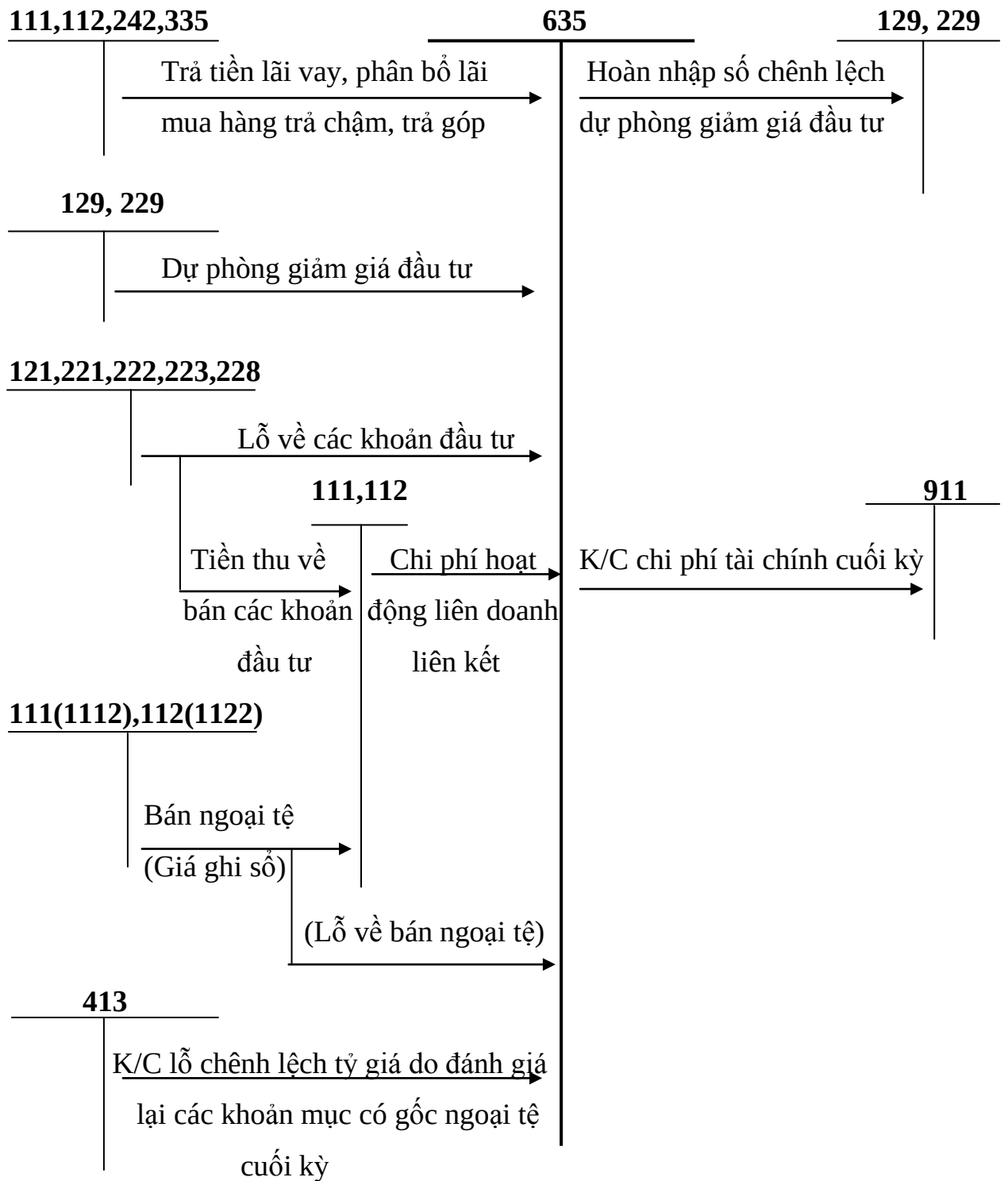
- Chi trả tiền lãi từ đi vay
- Lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết
- Lỗ từ bán chứng khoán
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán
- Chi chiết khấu thanh toán

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 635- Chi phí tài chính.**

Sơ đồ 1.8: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



Sơ đồ 1.9: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



1.4.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.4.4.1. Kế toán thu nhập khác.

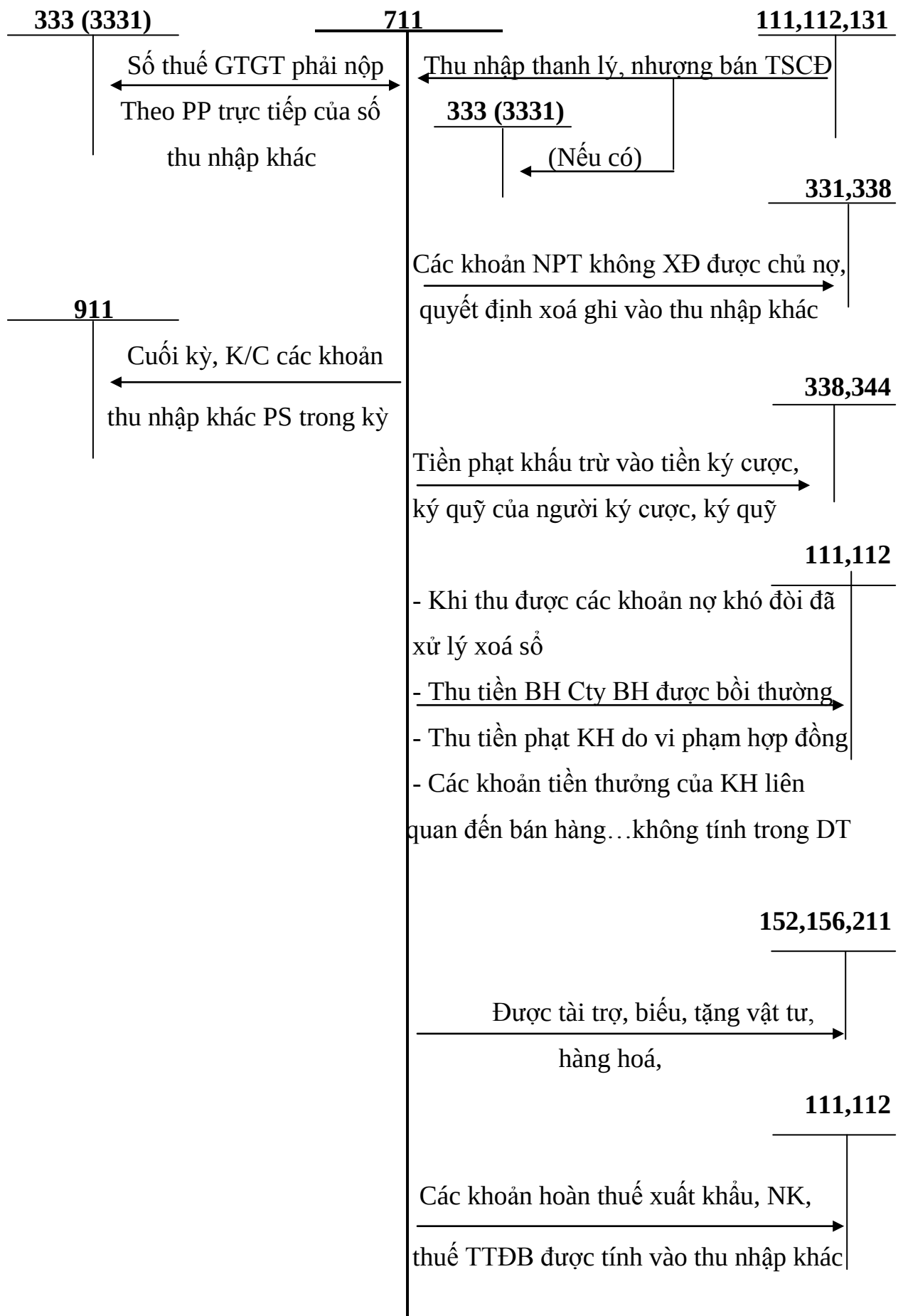
Thu nhập khác là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra.

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 711- Thu nhập khác**

Sơ đồ 1.10: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC



1.4.4.2. Kế toán chi phí khác.

Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư địa hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

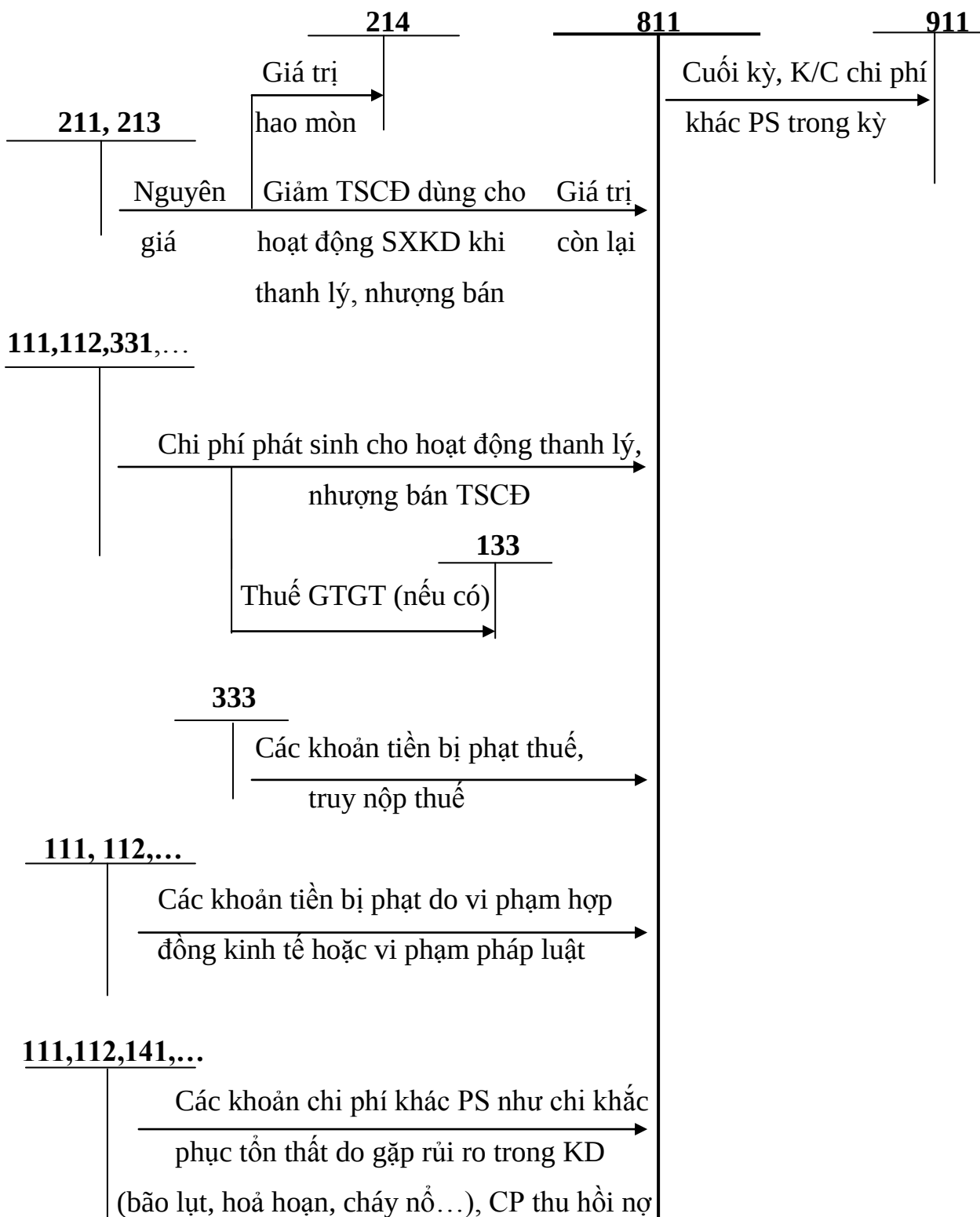
➤ **Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 811** :Chi phí khác
- **Tài khoản 821** :Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

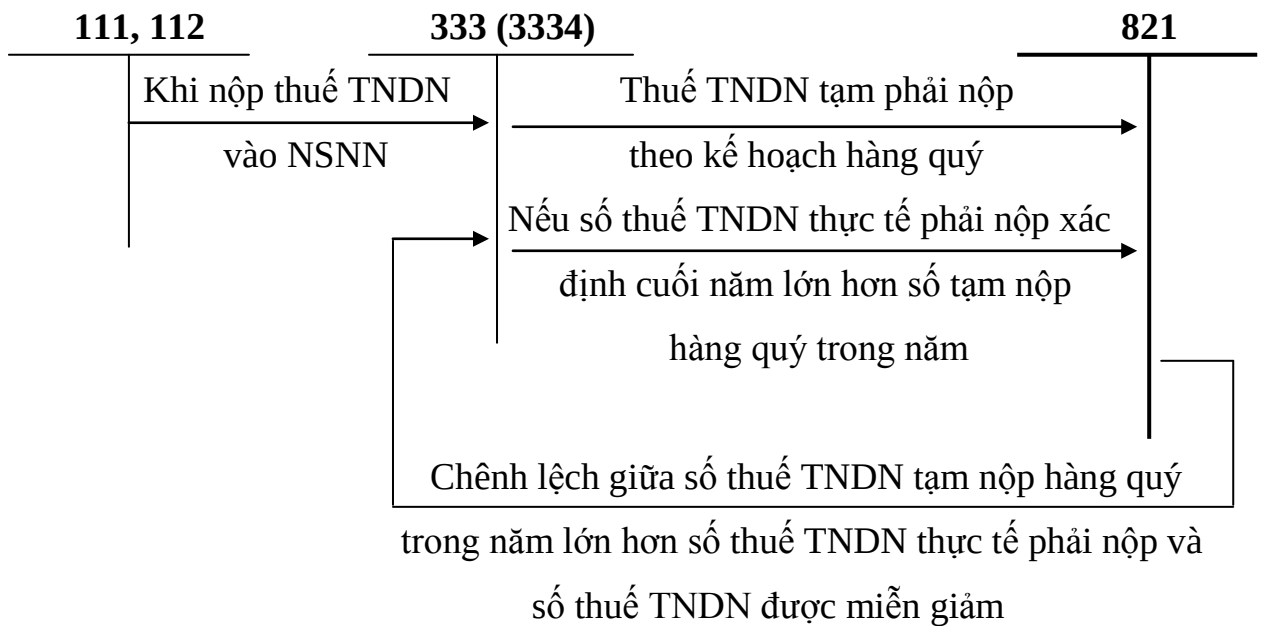
Tài khoản này có 2 TK cấp 2:

- Tài khoản 8211-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Tài khoản 8212-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Sơ đồ 1.11: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC



Sơ đồ 1.12: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{sản xuất kinh doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{sản xuất kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{vốn} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{(CPBH, CP QLDN)} \end{array}$$

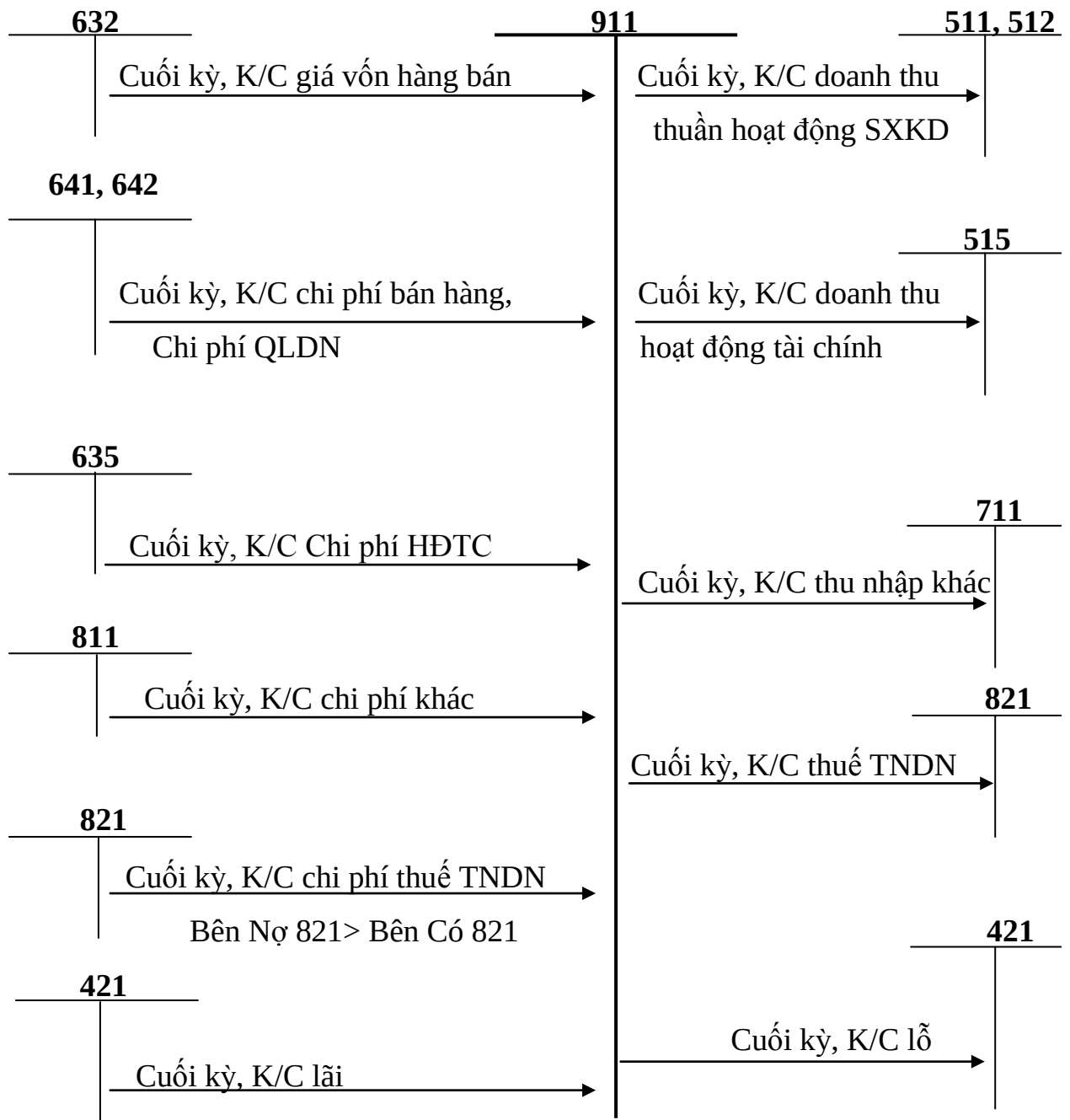
$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm trừ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

➤ **Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh**

Sơ đồ 1.13: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



1.5. Các hình thức, sổ sách, báo cáo kế toán sử dụng trong doanh nghiệp

1.5.1. Các hình thức kế toán.

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.5.2. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT- 3LL)
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 01- BH)
- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 02- BH)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTGT- 3LL)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT)
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.5.3. Sổ kế toán sử dụng

❖ Hình thức Nhật ký chung

- + Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Hình thức Nhật ký - Sổ cái:

- + Nhật ký- Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Hình thức Nhật ký - Chứng từ

- + Nhật ký chứng từ,
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

❖ Hình thức chứng từ ghi sổ

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ Hình thức kế toán trên máy vi tính sử dụng phần mềm kế toán:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.5.4. Hệ thống báo cáo kế toán.

- | | |
|--|-------------------|
| - Bảng Cân đối kế toán | : Mẫu số B01 - DN |
| - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | : Mẫu số B02 - DN |
| - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | : Mẫu số B03 - DN |
| - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DN |
| - Bảng Cân đối tài khoản | : Mẫu số S06 - DN |

CHƯƠNG II:

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Hải Phòng

Tên giao dịch quốc tế: Hải Phòng Pharmaceutical Joint – Stock Company.

Tên viết tắt: HAIPHARCO

Trụ sở chính: Số 71 Đường Điện Biên Phủ, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng .

Điện thoại: 0313.745632

Fax: 031.3745053

Mã số thuế: 0200140269

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

- Năm 1961 theo quyết định số 196/TC-DC ngày 3/3/1961 của UBNN thành phố Hải Phòng Quốc doanh Dược phẩm Hải Phòng đã được thành lập với số cán bộ công nhân viên khoảng 120 người chức năng nhiệm vụ là bán lẻ và phân phối thuốc theo kế hoạch cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Năm 1963 thành lập Xí nghiệp Dược phẩm Kiến An với chức năng nhiệm vụ sản xuất một số thuốc tân dược và đông dược nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu tiêu dùng của nhân dân thành phố. Năm 1978 Quốc doanh dược phẩm đổi tên thành Công ty Dược phẩm Hải Phòng.

- Năm 1980-1981 theo mô hình kinh tế cấp huyện các cửa hàng được đóng trên địa bàn quận - huyện – thị xã được chuyển giao cho UBND quận - huyện - thị xã quản lý.

- Năm 1984 theo quyết định số 668/QĐ-VX ngày 23/6/1984 của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thành lập Xí nghiệp Liên hiệp Dược Hải Phòng.

- Năm 1993 theo quyết định số 388 thành lập doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, UBNN thành phố Hải Phòng ra quyết định số 536/QĐ-TCCQ ngày

26/2/1993 thành lập Công ty Dược Hải Phòng. Một tháng sau theo Quyết định số 759/QĐ-TCCQ ngày 26/3/1993 của UBND thành phố Hải Phòng sát nhập 13 hiệu thuốc quận – huyện – thị xã vào Công ty Dược Hải Phòng sau hơn 10 năm không thuộc mô hình tổ chức quản lý của công ty. Số lượng CBCNV thời gian này là khoảng 600 người. Công ty Dược Hải Phòng có chức năng nhiệm vụ là SXKD thuốc, hóa chất, dụng cụ vật tư y tế, nuôi trồng dược liệu, XNK thuốc phục vụ việc chăm sóc, phòng và chữa bệnh cho nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Ngày 01/12/2005 UBND thành phố Hải Phòng đã ra quyết định số 2785/QĐ - UBND “V/v chuyển Công ty Dược Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng”. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001948 ngày 01/06/2005.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản, có con dấu riêng để giao dịch. Mọi hoạt động kinh tế của Công ty được thực hiện theo đúng pháp luật của Nhà nước, đúng quy định của Bộ Tài chính.

2.1.2.Đặc điểm hoạt động của công ty.

2.1.2.1. Mục tiêu hoạt động của công ty:

Công ty được thành lập để huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm theo chức năng ngành nghề kinh doanh được cấp giấy phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng đầu tư phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, góp phần vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.1.2.2.. Các ngành nghề kinh doanh của công ty:

Hoạt động chính của Công ty được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh dược phẩm, hóa chất, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, vật tư và máy móc thiết bị;
- Kinh doanh, gieo trồng và chế biến dược liệu;

- Kinh doanh kính mắt và các đồ dùng gia đình và cá nhân;
- Tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược;
- Cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị và kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vắc xin;
- Bán buôn giày dép;

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh

Địa chỉ

- | | |
|----------------------------|---|
| - Hiệu thuốc Hải Phòng | Số 17 Lương Khánh Thiện, quận Hồng Bàng, Hải Phòng |
| - Hiệu thuốc Thủy Nguyên | Số 1 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, HP |
| - Hiệu thuốc An Lão | Số 13 đường Trần Tất Văn, thị trấn An Lão, huyện An Lão, HP |
| - Tổ SX thuốc thông thường | Số 60 Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, HP |
| - Hiệu thuốc Kiên An | Số 230 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, HP |
| - Hiệu thuốc Kiên Thụy | Số 19 Thọ Xuân, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, HP |
| - Chi nhánh Hà Nội | Số 1 ngách 7/10, ngõ 7 Thái Hà, Phường Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội |

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng có tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 541 người, trong đó cán bộ quản lý là 32 người.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư.

Hội đồng quản trị: là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành

và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Tổng giám đốc (giám đốc) điều hành : là người điều hành và là người có quyết định cao nhất về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chuẩn y về kế hoạch phát triển hàng năm, dự án đầu tư, tổ chức thực hiện các phương án đã được phê duyệt.

Các Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc): là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Các phòng ban chức năng:

- ❖ Phòng Tổ chức – Lao động tiền lương:
 - Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương. Soạn thảo nội quy, quy chế quản lý, các quyết định, công văn chỉ thị của công ty.
 - Điều động, tuyển dụng, lập các hợp đồng lao động, khai và duyệt sổ BHXH cho CBCNV.
 - Đào tạo nhân lực.
 - Giải quyết các chế độ chính sách, khai và duyệt sổ lao động cho CBCNV.
 - Quản lý hồ sơ nhân sự.
- ❖ Phòng kinh doanh:
 - Kế hoạch SXKD dài hạn và ngắn hạn .
 - Cung ứng vật tư sản xuất.
 - Cung ứng thuốc chữa bệnh, dụng cụ vật tư y tế, dược liệu cho các hiệu thuốc, bệnh viện các tuyến , bảo hiểm y tế, cơ quan trong thành phố.
 - Đảm bảo cơ sở thuốc dự trữ cho phòng chống dịch bệnh, thiên tai, dịch họa.
 - Tìm đối tác liên doanh liên kết để nâng cao năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- ❖ Phòng kỹ thuật – Nghiên cứu khoa học:
 - Tiến độ kỹ thuật.
 - Quản lý quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất.
 - Quản lý và xây dựng kế hoạch sửa chữa máy móc thiết bị.
 - Giải quyết các sự cố máy móc, công nghệ sản xuất .
 - Soạn thảo quy trình, quy phạm, xây dựng định mức vật tư kỹ thuật, quy cách đóng gói sản phẩm.
 - Nghiên cứu các mặt hàng mới, cải tiến, nâng cao chất lượng mẫu mã bao bì.
- ❖ Phòng được chính:
 - Phổ biến các quy chế mới của Bộ, ngành đối với SXKD được.
 - Xây dựng và kiểm tra việc thực hiện quy chế của Bộ, ngành cũng như của công ty.
 - Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ được cho CNV.
- ❖ Phòng KCS:
 - Kiểm tra nguyên liệu đầu vào và kiểm tra chất lượng sản phẩm trong và sau quá trình sản xuất.
 - Kiểm tra chất lượng thuốc bán của công ty.
- ❖ Phòng Kế toán – Thống kê:
 - Kế toán , thống kê tài chính.
 - Lập các chứng từ sổ sách, thu chi với khách hàng, nội bộ.
 - Theo dõi quá trình chu chuyển tiền tệ của công ty.
 - Phân tích hoạt động kinh tế.
 - Kiểm tra công tác tài chính, quản lý kinh tế ở các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc công ty.
- ❖ Phòng Hành chính – Quản trị:
 - Hành chính, đời sống.
 - Kiến thiết xây dựng cơ bản, kế hoạch sửa chữa nhỏ.
 - Y tế, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.
 - Quản trị, bảo vệ tài sản nội bộ.

❖ Phòng kho:

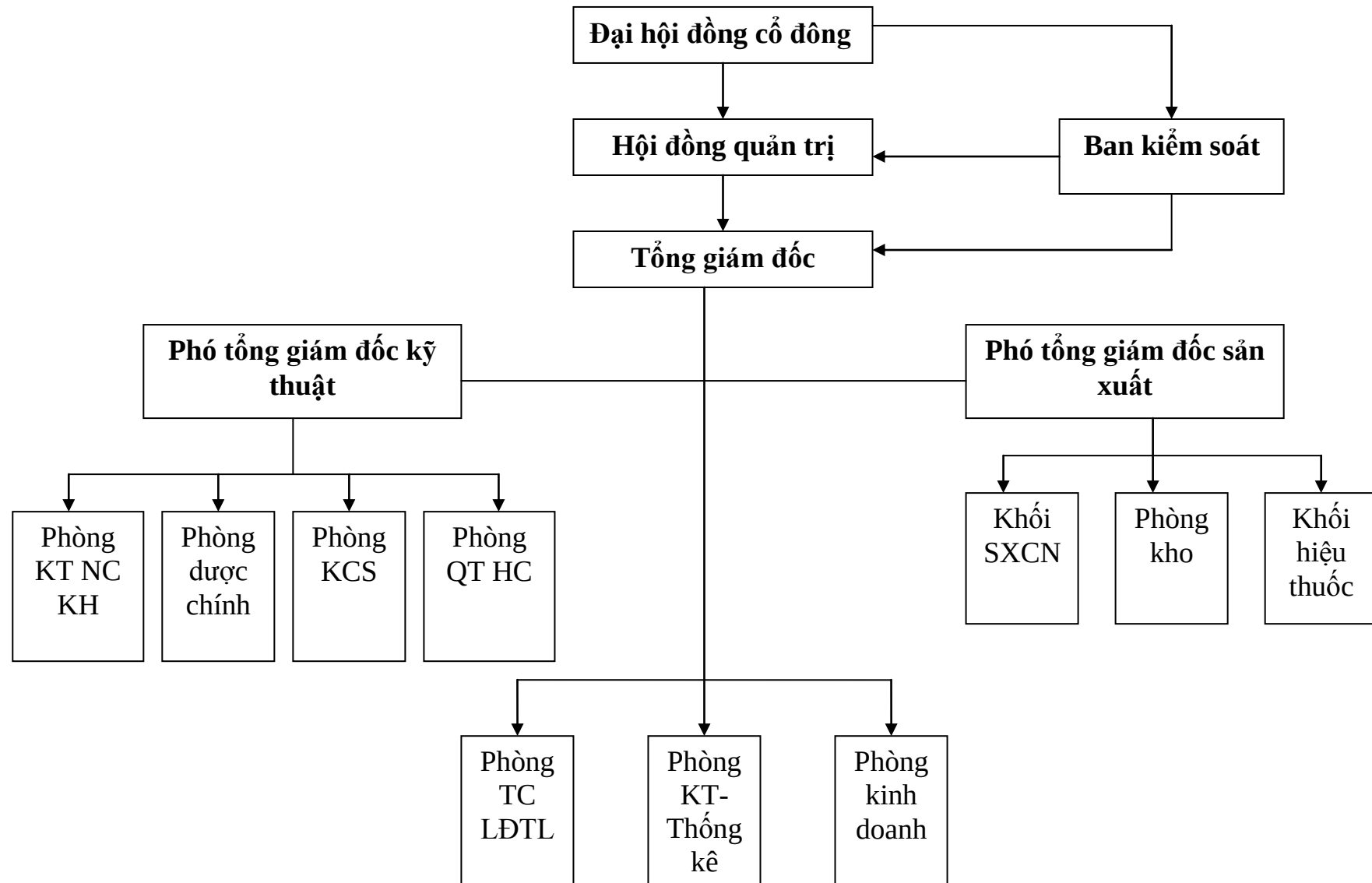
- Quản lý, bảo quản hàng hóa, xuất nhập theo quy định.
- Kiểm kê, báo cáo Giám đốc chất lượng hàng hóa để kịp thời xử lý.
- Bảo vệ kho tàng, hàng hóa.

Cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất công nghiệp (nhà máy GMP – WHO):

Công ty hiện có 4 phân xưởng sản xuất chính và 1 tổ cơ điện nội hơi, các phân xưởng gồm Quản đốc phụ trách chung, phó quản đốc phụ trách kỹ thuật, vật tư. Các phân xưởng làm việc theo ngày và theo ca. Trực tiếp điều hành mọi khâu trong quá trình sản xuất là các tổ trưởng sản xuất. Các phân xưởng cụ thể gồm:

- Phân xưởng I: Chuyên sản xuất các loại thuốc đông dược.
- Phân xưởng II: Chuyên sản xuất các loại thuốc đóng ống (uống hoặc tiêm), thuốc dùng ngoài (tra mắt, nhỏ mũi,...)
- Phân xưởng III: Chuyên sản xuất các loại thuốc viên nén viên ngậm.
- Phân xưởng IV: Chuyên sản xuất các loại thuốc bột, đóng gói hoặc lọ.
- Tổ cơ điện nội hơi.

Mỗi phân xưởng sản xuất trong khu nhà riêng trên dây truyền của mình không liên quan đến các dây truyền khác. Tuy nhiên khi cần tăng cường nhân lực ở bộ phận này hay ở một khâu sản xuất nào đó có thể điều động, tăng cường lao động từ các phân xưởng bộ phận khác.



Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng

2.1.4.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán .

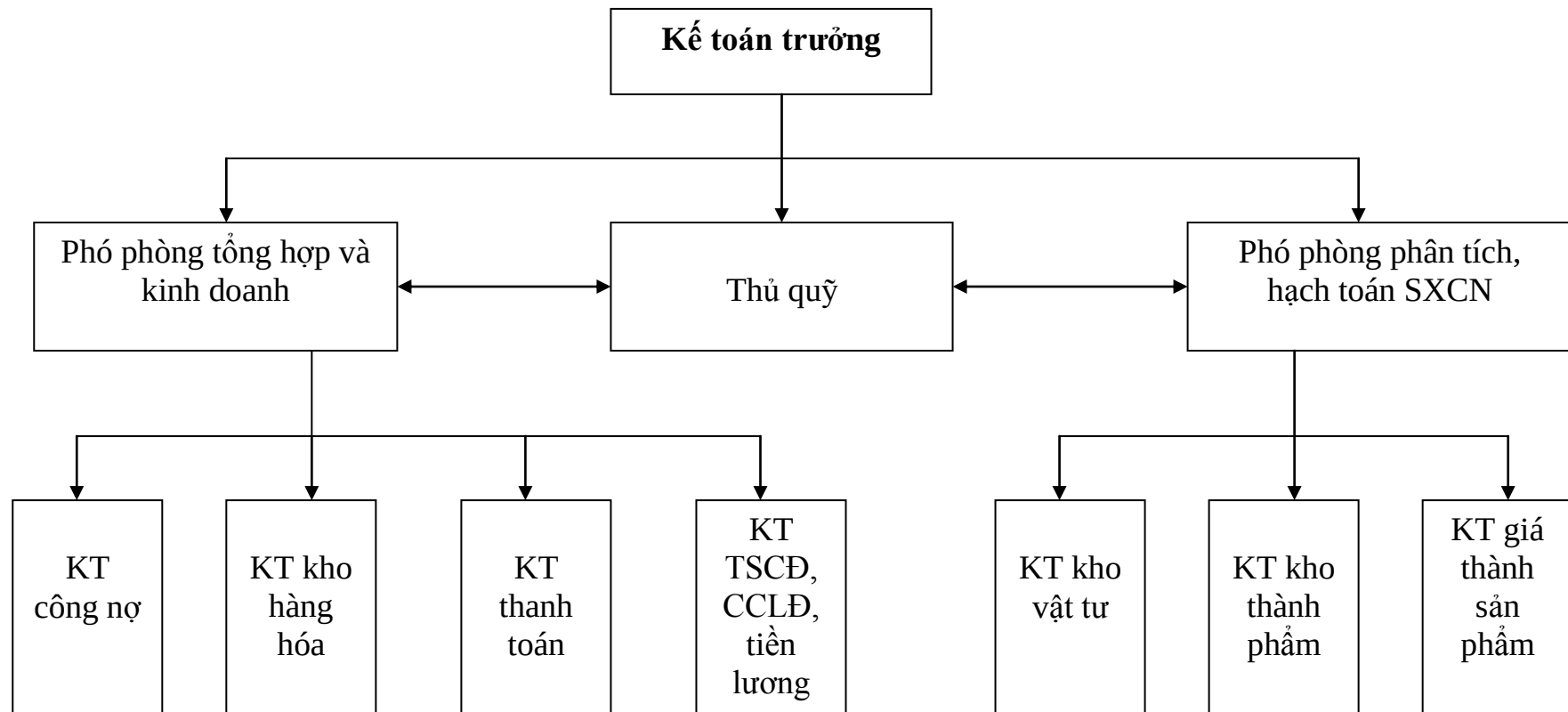
Phòng kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo được sự hợp lý và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tài chính, kinh tế cho ban Giám đốc. Phòng kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức bộ máy kế toán TẬP TRUNG, chỉ có một Phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của Công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban Giám đốc Công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Kế toán trưởng: Chỉ đạo tổ chức các phân hành kế toán, kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT-Ban giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các kế toán viên lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

Các kế toán viên: thực hiện việc theo dõi, quản lý, hạch toán các phân hành kế toán còn lại của công ty được phân công chi tiết cho từng cá nhân.

Thủ quỹ: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng



2.1.5. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại Công ty:

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam. (VND)
 - Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
 - Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: Nguyên tắc giá gốc
 - Hình thức sổ kế toán áp dụng: **Chứng từ ghi sổ**
 - Phương pháp tính thuế: Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - Phương pháp xác định giá trị hàng hoá xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: Áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ***

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

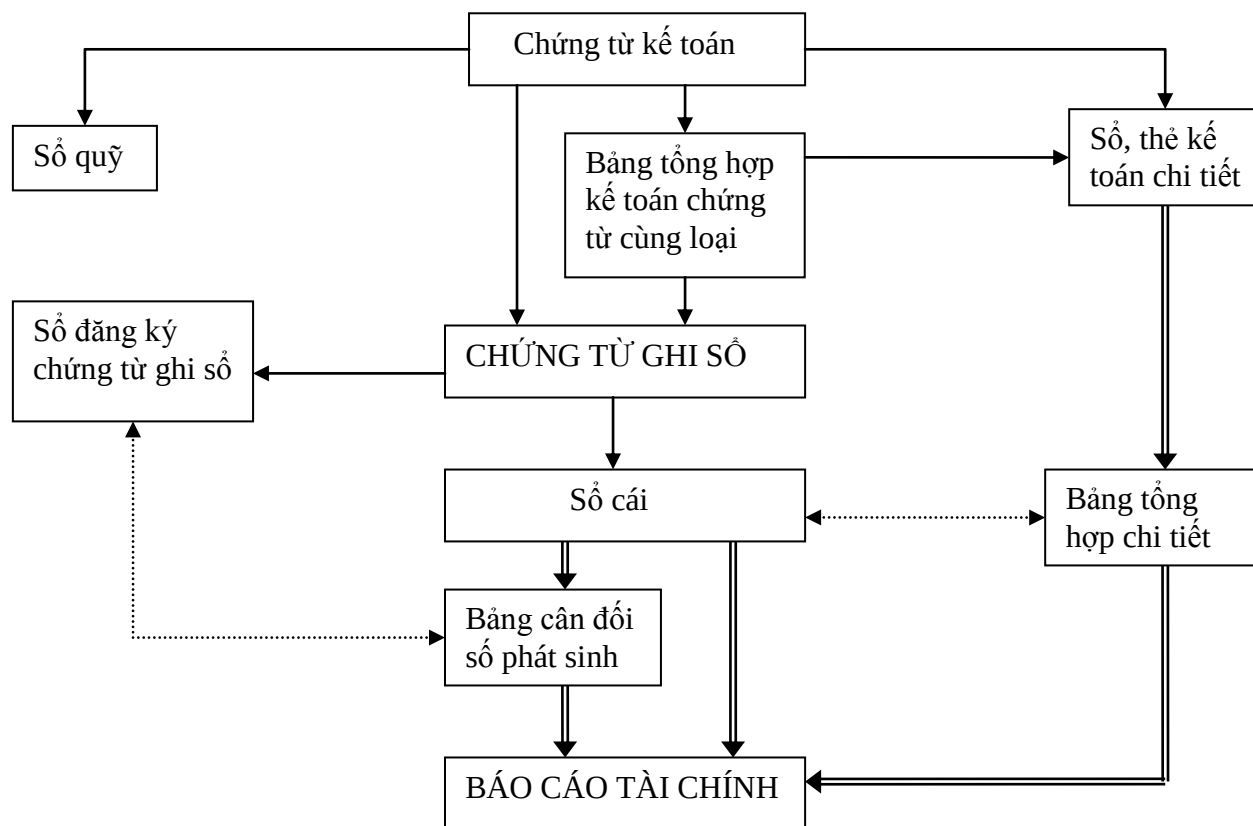
Cuối tháng, phải khoá sổ, tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), được dùng lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra đảm bảo Tổng phát sinh Nợ và Tổng phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau và tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài

khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của các tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Biểu số 01: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra -.->

2.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

2.2.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ hàng hoá tại Công ty

Tiêu thụ là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và phân phối hàng hoá.

❖ Phương thức bán hàng:

Các phương thức bán hàng chủ yếu của công ty là:

- Bán buôn: là hình thức bán chủ yếu của Công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Theo hình thức này Công ty ký hợp

đồng bán hàng với các khách hàng, căn cứ vào hợp đồng Công ty xuất hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.

- Bán cho đại lý: Phương thức bán hàng cho đại lý không phải là hình thức công ty ký gửi đại lý bán hộ mà thành phẩm ở đây được xác định là tiêu thụ ngay và kế toán sẽ hạch toán thẳng vào giá vốn hàng bán (TK632) mà không qua TK 157-hàng gửi bán.

- Bán lẻ tại cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của công ty để mua hàng. Kế toán lập hóa đơn GTGT, phiếu thu và đồng thời ghi nhận doanh thu.

- ❖ Phương thức thanh toán:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho những khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả phí cho ngân hàng. Sau khi người bán thực hiện giao hàng xong , người mua ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả.

2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.2.2.1. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch này.

Doanh thu bán hàng ra bên ngoài: Được ghi nhận khi đã giao hàng và chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho người mua và được người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng nội bộ: Được ghi nhận ngay khi hàng hóa của đơn vị nội bộ này sang một đơn vị nội bộ khác. Giá bán hàng giữa các đơn vị nội bộ là giá vốn cộng với một khoản lãi định mức.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.2.2.2. *Hạch toán doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng là tổng giá trị thực hiện do bán hàng hoá: dược phẩm, hóa chất, sinh hóa phẩm, mỹ phẩm, vật tư...

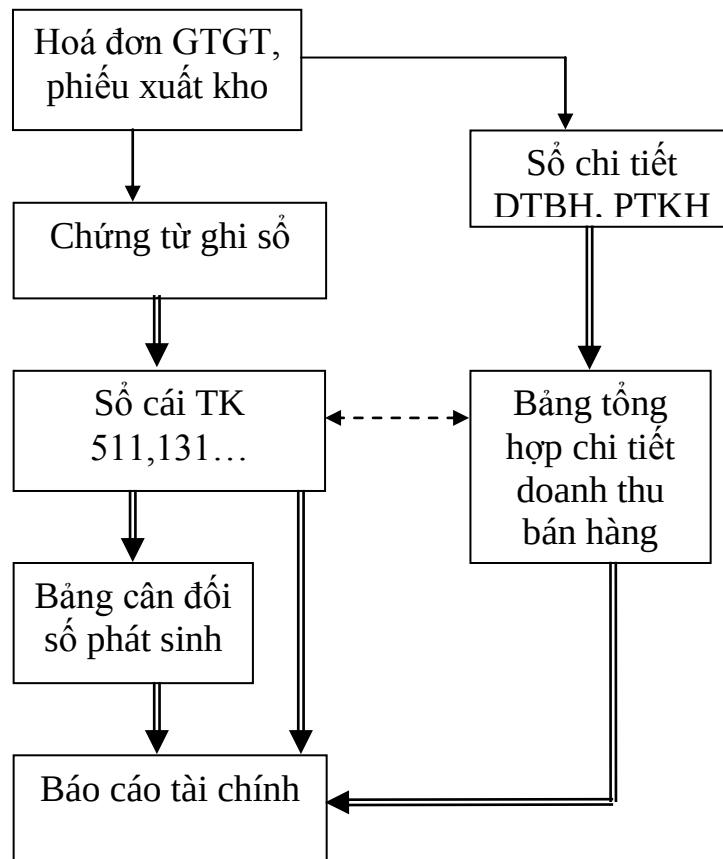
❖ *Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng:*

- + Hoá đơn giá trị gia tăng
- + Hợp đồng mua bán hàng hoá,..
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 511
- + Bảng kê hàng hoá, dịch vụ bán ra

❖ *Tài khoản sử dụng:*

+TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Được chi tiết thành các tiểu khoản như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Các tài khoản liên quan khác.



Ghi chú :

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

❖ Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty như sau:

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng

- Cán bộ nghiệp vụ phòng kinh doanh viết hóa đơn bán hàng (Hoá đơn GTGT). Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: màu tím, lưu gốc
- + Liên 2: màu đỏ, giao cho khách hàng
- + Liên 3: màu xanh, dùng làm cơ sở hạch toán

Trên hoá đơn GTGT phải đủ các thông tin sau:

- + Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ bán hàng
- + Tên đơn vị bán hàng, địa chỉ, số điện thoại, số fax (nếu có), mã số thuế
- + Họ và tên người mua hàng, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế

- + Hình thức thanh toán
- + Tên hàng hoá, số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu, số thuế GTGT, tổng số tiền thanh toán
- + Đủ chữ ký của lãnh đạo, người bán hàng, người mua hàng
- Sau đó, cán bộ nghiệp vụ phòng kinh doanh trình người có trách nhiệm (Giám đốc) ký duyệt rồi giao cho thủ kho để xuất kho thành phẩm, hàng hóa cho khách hàng. Khi giao hàng cho khách hàng thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm, hàng hóa có đúng với quy định ghi trong hóa đơn bán hàng hay không. Đồng thời thủ kho và khách hàng phải ký xác nhận việc giao hàng và nhận hàng ở liên 2 và liên 3 hóa đơn GTGT.
- Liên 3 hóa đơn GTGT dùng làm căn cứ lập bảng kê hóa đơn bán hàng trong kỳ và chuyển lên phòng kế toán theo dõi tiêu thụ và công nợ, kiểm tra lại hóa đơn xem đã đủ tính hợp lý, hợp lệ rồi làm căn cứ hạch toán hàng ngày vào sổ chi tiết.
- Cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ rồi vào sổ cái. Đồng thời, hóa đơn, bảng kê, chứng từ, sổ cái được đóng thành tập và lưu trữ ở phòng kế toán.

Ví dụ: Ngày 06 tháng 12 năm 2010, công ty bán cho bệnh viện Kiến An

180 lọ Levoflex 500mg đơn giá 137 142,85 đồng

100 ống Helotec 5g/10ml đơn giá 82 095,2 đồng

9 000 ống Nước cất 5ml đơn giá 659 đồng

200 ống Pomulin 300mg đơn giá 89 238 đồng

228 lọ Perfalgan 1g 100ml đơn giá 44 514,3 đồng

600 ống Philorra 500mg đơn giá 32 381 đồng

Thuế suất thuế GTGT 5%, chưa thanh toán.

Phòng kinh doanh viết hoá đơn bán hàng (Hóa đơn GTGT số 0075532). Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán lập bảng kê hóa đơn bán hàng trong kỳ (Biểu số 04) và bảng chi tiết công nợ (Biểu số 05) nếu khách hàng chưa thanh toán ngay.

Căn cứ vào các chứng từ gốc, cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 06) và từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái (Biểu số 07)

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01 GTKT -3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NB/2010		
Liên 3: Nội bộ			0075532		
Ngày 06 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Cty CP Dược phẩm Hải Phòng.....					
Địa chỉ: 71 Điện Biên Phủ, Hải Phòng.....					
Số tài khoản:10201 0000 309648 Ngân hàng Công Thương Hồng Bàng Hải Phòng.....					
Điện thoại: 031 745333MS: 0200140269					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị:Bệnh viện Kiến An.....					
Địa chỉ: Kiến An - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: NợMS:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Levoflex 500mg	Lọ	180	137 142.85	24 685 713
2	Helotec 5g/10ml	Ống	100	82 095.2	8 209 520
3	Nước cất 5ml	Ống	200	89 238	17 847 600
4	Pomulin 300mg	Ống	960	1 142.8	1 097 088
5	Perfalgan 1g 100ml	Lọ	228	44 514.3	10 149 260
6	Philorpa 500mg	Ống	600	32 381	19 428 600
Cộng tiền hàng:					81 417 781
Thuế GTGT: 5 %		Tiền thuế GTGT:		4 070 889	
Tổng cộng tiền thanh toán					85 488 670
Số tiền viết bằng chữ: Tám <i>mươi năm triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi</i> đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
.					

Biểu số 04.

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT)

Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ hàng tháng

Tháng 12 năm 2010

Tên cơ sở kinh doanh: Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng (Kho Hòa)

Mã số thuế: 0200140269-1

Địa chỉ: Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

STT	Số Xeri	Chứng từ		Khách hàng	Mặt hàng	DS chưa thuế	Thuế suất	Thuế GTGT	Tổng
		Số	Ngày						
1				BK1	TDược	2.239.167.415	5%	111.958.371	2.351.125.786
2				BK2	TDược	897.765.235	5%	44.888.262	942.653.497
3				BK3	TDược	436.371.284	5%	21.818.564	458.189.848
4				BK4	TDược	205.917.028	5%	10.295.851	216.212.879
5				BK5	TDược	60.930.815	5%	3.046.541	63.977.356
6				BK6	TDược	181.209.579	5%	9.060.479	190.270.058
7				BK7	TDược	165.528.527	5%	8.276.426	173.804.953
8				BK8	TDược	73.614.490	5%	3.680.725	77.295.215
9				BK9	TDược	87.549.038	5%	4.377.452	91.926.490
10				BK10	TDược	179.185.994	5%	8.959.300	188.145.294
11				BK11	TDược	70.600.327	5%	3.530.016	74.130.343
12				BK12	TDược	100.482.721	5%	5.024.136	105.506.857
				Tổng cộng		4.698.322.453		234.916.123	4.933.238.576

Biểu số 05.

BẢNG CHI TIẾT CÔNG NỢ - BỆNH VIỆN KIẾN AN

Quý 4/2010

TK131

I. Số dư đến ngày 31/08/2010: 2.479.268.191

II. Số phát sinh:

NGÀY	SỐ CHỨNG TỪ XUẤT	SỐ CHỨNG TỪ TRẢ	SỐ TIỀN XUẤT	SỐ TIỀN TRẢ
11/10/2010	LS/2010B0063323		4.061.967	
				
15/10/2010	LS/2010B0063477		630.000	
26/10/2010		TNH1010-0015		941.089.931
				
10/11/2010	NB/2010B0073125		396.833.728	
10/11/2010	NB/2010B0073126		11.411.616	
10/11/2010		TNH1110-0024		186.148.520
				
6/12/2010	NB/20100075530		852.174.362	
6/12/2010	NB/20100075531		184.350.222	
6/12/2010	NB/20100075532		85.488.670	
23/12/2010		TNH1210-0032		50.843.345
32/12/2010		TNH1210-0033		125.789.366
				
31/12/2010	TT/2010B0056230		36.073.057	
31/12/2010	TT/2010B0056231		64.149.538	
31/12/2010	TT/2010B0056248		14.667.345	
TỔNG CỘNG			3.077.433.009	2.212.214.801

Tính đến ngày 31/12/2010 Bệnh viện Kiến An còn nợ Công ty CP Dược phẩm
HP số tiền là: **3.344.486.399**

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Đơn vị : Kho 71(DS Hòa)

Số : 213/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		<u>Phần nhập hàng</u>				
		Mua hàng nhập kho	156		4.873.629.534	
			1331		243.681.477	
				331	5.117.311.011	
		Nhập lại	531		14.388.104	
			3331		719.405	
				131	15.107.509	
			156	632	14.388.104	
		Điều nội bộ	156		95.972.467	
				156	95.972.467	
		<u>Phần xuất hàng</u>				
		Xuất bán nợ	131		4.801.412.923	
				511	4.572.774.212	
				3331	228.638.711	
		Xuất bán tiền mặt	111		131.825.653	
				511	125.548.241	
				3331	6.277.412	
		<u>Kết chuyển giá vốn</u>	632		4.197.151.565	
				156	4.197.151.565	
		Xuất hủy	641	156	-	
		Xuất trả	331		8.721.300	
				156	8.306.000	
				1331	415.300	
		Xuất nội bộ	156	156	-	

Biểu số 07.

SỔ CÁI
Năm 2010
TK 511

Tháng			10	11	12	Cả năm
Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
	Nợ	Có				
	511		25.701.592.632	30.202.879.603	40.893.287.305	452.443.674.104
		521	331.743.170	400.169.722	345.135.804	3.778.422.555
		531	32.311.100	338.290.572	128.734.808	669.311.909
		911	25.337.538.362	29.802.371.019	40.419.416.683	447.995.939.640
		511	25.701.592.632	30.202.879.603	40.893.287.305	452.443.674.104
	111		2.981.854.893	1.467.480.175	3.084.289.108	72.742.979.779
	131		22.612.427.079	28.619.652.311	37.689.911.561	378.670.170.271
	138		-	-	-	7.295.950
	641		107.310.660	103.526.155	119.086.636	1.011.007.142
	642		-	12.220.962	-	12.220.962
DƯ ĐẦU	CÓ		-	-	-	-
PHÁT SINH	NỢ		25.701.592.632	30.202.879.603	40.893.287.305	452.443.674.104
	CÓ		25.701.592.632	30.202.879.603	40.893.287.305	452.443.674.104
DƯ CUỐI	CÓ					-

2.2.3. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Mặc dù công ty đã kiểm tra hàng hoá trước khi giao hàng nhưng vẫn còn tồn tại một số lượng hàng bị trả lại gây giảm trừ doanh thu. Lý do có thể do khâu vận chuyển, bảo quản dẫn đến hàng bị giảm chất lượng hoặc sai sót mẫu mã quy cách so với yêu cầu chung. Giá trị của hàng bị trả lại sẽ điều chỉnh doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kì.

Trong một số trường hợp những người mua vẫn chấp nhận thanh toán số hàng trên với điều kiện giảm giá bán. Với mức giảm theo thoả thuận của cả hai bên.

Chiết khấu thương mại: Là một trong những phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hoá rất hữu hiệu. Nghĩa là khách hàng sẽ được hưởng tỷ lệ phần trăm giảm trừ tương ứng với khối lượng mua theo quy định.

❖ Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng các tài khoản:

+ TK 521: Chiết khấu thương mại

+ TK 531: Hàng bán bị trả lại

+ TK 532: Giảm giá hàng bán

❖ Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 521, 531, 532

+ Sổ sách chứng từ có liên quan.

❖ Quy trình luân chuyển các khoản giảm trừ doanh thu:

Căn cứ vào các chứng từ gốc, cuối tháng kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ cái TK 521, 531, 532.

2.2.4. Hạch toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán trong kì tại Công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Cuối tháng, kế toán sẽ tập hợp lượng hàng hoá nhập, xuất ; giá trị hàng nhập kho trong tháng để tính giá vốn hàng xuất bán. Trị giá thực tế hàng xuất kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân gia} \\ \text{quyền cả kỳ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

❖ Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán, công ty sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

❖ Sổ sách chứng từ kế toán sử dụng:

+ Hoá đơn GTGT

+ Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 156, 632

Công ty không lập phiếu xuất kho trong quá trình bán hàng mà sử dụng hóa đơn GTGT làm phiếu xuất kho luôn. Căn cứ vào hóa đơn GTGT, Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn hàng hóa cuối tháng kế toán tập hợp vào Chứng từ ghi sổ và từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ cái TK 632.

Ví dụ:

Trong tháng 12 năm 2010

	ĐVT	Đầu kì		Nhập	
		SL	TT	SL	TT
Avirtab 200mg	viên	2.250	3.428.550	7.100	10.818.980
Amiodazon 200mg	viên	3.300	6.600.000	20.000	40.000.000
Berthyrox 100mg	viên	2.200	735.856	8.000	2.675.840

Trị giá hàng xuất kho Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kì. Vì vậy, đơn giá của mỗi loại thuốc được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Avirtab} \end{array} = \frac{3.428.550 + 10.818.980}{2.250 + 7.100} = 1.523,8 \text{ đồng}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Amiodazon} \end{array} = \frac{6.600.000 + 40.000.000}{3.300 + 20.000} = 2.000 \text{ đồng}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Berthyrox} \end{array} = \frac{735.856 + 2.675.840}{2.200 + 8.000} = 334,48 \text{ đồng}$$

Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng

Mẫu số S02a- DN

Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

TK: 632

Số: 226/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
Số	Ngày		TK nợ	TK có	
		Tháng 12-2010	632		
				152	60.625.329
				155	2.947.521.107
				156	31.360.583.691
		Cộng			34.368.730.127

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 09.

BÁO CÁO XUẤT NHẬP TỒN HÀNG HÓA THÁNG 12/2010

	ĐVT	Đầu kì		Nhập		Xuất		Tồn	
		SL	TG	SL	TG	SL	TG	SL	TG
Fluouracil 5ml	Lọ	5	107.500	50	1.075.000	5	107.500	50	1.075.000
Abumin 50ml	Lọ			420	336.000.000	292	233.600.000	128	102.400.000
Avirtab 200mg	viên	2.250	3.428.550	7.100	10.818.980	3.500	5.333.300	5.850	8.914.230
Mediplex 800mg	viên			1.200	9.600.000	720	5.760.000	480	3.840.000
Adrim 10mg	Lọ			50	3.595.250	50	3.595.250		
Adrrenalin 1mg/1ml	ống	3.766	12.555.844	5.040	16.803.360	5.250	17.503.500	3.556	11.855.704
Amiodazon 200mg	viên	3.300	6.600.000	20.000	40.000.000	6.570	13.140.000	16.730	33.460.000
Amitriptylin 25 mg	viên	10.000	1.100.000			3.000	330.000	7.000	770.000
Berthyrox 100mg	viên	2.200	735.856	8.000	2.675.840	9.400	3.144.112	800	267.584
Concor 5mg (30v)	viên	3.210	10.036.611	3.600	11.256.012	4.110	12.850.614	2.700	8.442.009
Concor 2,5mg (28v)	viên	1.918	4.082.599	1.400	2.979.999	3.318	7.062.599		
Cyclonamin 250mg	ống	300	5.142.858	3.000	51.428.580	2.700	46.285.722	600	10.285.716
Diaphylin 4,8%	ống	505	3.535.000	250	2.375.000	300	2.100.000	455	3.810.000
.....									

Biểu số 10.

SỔ CÁI
Năm 2010
TK 632

Tháng			10	11	12	Cả năm
Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
	Nợ	Có				
	632		20.294.170.967	26.057.406.981	34.368.730.127	400.085.090.069
		152	46.392.867	85.133.885	60.625.329	5.846.539.296
		155	2.881.051.063	3.061.227.081	2.947.521.107	43.423.519.240
		156	17.366.727.037	22.911.046.015	31.360.583.691	350.815.031.533
		632	20.294.170.967	26.057.406.981	34.368.730.127	400.085.090.069
	155		28.865.169	-	1.699.123	68.949.014
	156		1.842.500	338.290.572	126.683.188	563.027.883
	159		-	-	-	-
	911		20.263.463.298	25.719.116.409	34.240.347.816	399.453.113.172
DƯ ĐẦU	CÓ		-	-	-	-
PHÁT SINH	NỢ		20.294.170.967	26.057.406.981	34.368.730.127	400.085.090.069
	CÓ		20.294.170.967	26.057.406.981	34.368.730.127	400.085.090.069
DƯ CUỐI	CÓ		-	-	-	

2.2.5. Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.5.1. Hạch toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm: Chi phí nhân công, chi phí vận chuyển, chi phí khấu hao TSCĐ...

❖ Để hạch toán chi phí bán hàng Công ty sử dụng tài khoản 641- Chi phí bán hàng.

❖ Sổ kế toán sử dụng:

- + Phiếu chi
- + Bảng kê chi tiền mặt
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 641
- + Hóa đơn thanh toán của các dịch vụ mua ngoài
- + Các sổ chi tiết có liên quan

Khi phát sinh các khoản chi phí bán hàng, phòng Kinh doanh cần tập hợp đầy đủ chứng từ chứng minh các khoản chi phí đó là có thực, hợp lý để kế toán có căn cứ tập hợp chi phí bán hàng. Căn cứ vào chứng từ gốc phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng kế toán lập Bảng kê chi tiền mặt, Bảng kê chi tiền gửi Ngân hàng làm cơ sở để cuối tháng kế toán ghi vào Chứng từ ghi sổ rồi vào Sổ cái

Ví dụ :

Ngày 15 tháng 12 năm 2010, Công ty thanh toán :

Tiền cước phí điện thoại cho bộ phận bán hàng tháng 11 là 2.845.224 (đồng)

Căn cứ vào hoá đơn dịch vụ viễn thông và các chứng từ có liên quan. Kế toán thanh toán lập:

- + Phiếu chi (Biểu số 11)
- + Chứng từ ghi sổ (Biểu số 12)
- + Sổ cái TK 641 (Biểu số 13).

Biểu số 11.

Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng
Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

Mẫu số 02- TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số: 279

Nợ 641:2.845.224

Có 111: 2.845.224

Họ tên người nhận tiền: Dịch vụ viễn thông

Địa chỉ: Số 4 Lạch tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng

Số tiền: 2.845.224

Viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm bốn mươi năm ngàn hai trăm hai mươi tư đồng

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng

Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

TK641

Số: 227/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
Số	Ngày		TK nợ	TK có	
		Tháng 12 - 2010	641		
				111	313.402.777
				152	1.395.608
				156	2.166.836
				334	40.193.999
				3331	12.804.569
				3382	4.313.852
				511	119.086.636
		Cộng			493.364.277

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 13.

SỔ CÁI
Năm 2010
TK641

Tháng			10	11	12	Cả năm
Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
	Nợ	Có				
	641		391.542.845	466.917.994	493.364.277	7.674.336.158
		111	221.199.341	302.934.315	313.402.777	5.971.649.290
		152	4.203.602	3.347.184	1.395.608	48.274.083
		153	12.790.263	9.928.000	-	126.718.263
		156	-	-	2.166.836	6.255.586
		331	3.026.130	-	-	5.099.960
		334	39.799.234	42.439.785	40.193.999	492.527.265
		3331	-	-	12.804.569	12.804.569
		3382	3.123.615	4.742.555	4.313.825	50.635.134
		511	107.310.660	103.526.155	119.086.636	1.011.007.142
		641	391.542.845	466.917.994	493.364.277	7.674.336.158
	911		391.542.845	466.917.994	493.364.277	7.674.336.158
DƯ ĐẦU	CÓ		-	-	-	-
PHÁT SINH	NỢ		391.542.845	466.917.994	493.364.277	7.674.336.158
	CÓ		391.542.845	466.917.994	493.364.277	7.674.336.158
DƯ CUỐI	CÓ		-	-	-	-

2.2.5.2. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, nước, fax, cháy, nổ,...), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách , hội nghị khách hàng,...)

❖ Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty sử dụng tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng:

- + Phiếu chi
- + Chứng từ ghi sổ
- + Bảng phân bổ tiền lương
- + Sổ cái TK 642
- + Bảng tính khấu hao TSCĐ
- + Các sổ chi tiết có liên quan

Ví dụ :

Ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty thanh toán tiền điện tháng 11 phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp: 6.191.372(đồng)

Căn cứ vào hoá đơn tiền điện và sổ sách chứng từ liên quan Kế toán thanh toán lập:

- + Phiếu chi (Biểu số 14)
- + Chứng từ ghi sổ (Biểu số 15)
- + Sổ cái TK 642 (Biểu số 16)

. Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng

Mẫu số 02- TT

Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: 674

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Nợ 642: 6.191.372

Có 111: 6.191.372

Họ tên người nhận tiền: Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ: Số 9 Trần Hưng Đạo

Lý do chi: Thanh toán tiền điện cho bộ phận quản lý doanh nghiệp

Số tiền: 6.191.372

Viết bằng chữ: Sáu triệu một trăm chín mươi một ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu số 15.

Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng

Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

TK642

Số: 228/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
Số	Ngày		TK nợ	TK có	
		Tháng 12 - 2010	642		
				111	516.541.797
				112	347919233
				138	279.000
				142	82.052.495
				152	10.130.270
				153	540.000
				214	426.368.542
				334	861.249.928
				3382	62.912.333
				3383	142.530.055
				3386	12.917.808
				2288	39.275.400
				351	25.581.054
		Cộng			2.528.297.915

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Biểu số 16.

SỔ CÁI

TK 642

Tháng			10	11	12	Cả năm
Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
	Nợ	Có				
	642		2.648.398.260	1.419.804.394	2.528.297.915	23.829.784.165
		111	954.224.315	257.900.777	516.541.797	4.213.358.860
		112	565.861.296	161.222.162	347.919.233	3.073.328.334
		138	-	-	279.000	279.000
		141	-	-	-	15.818.182
		142	-	-	82.052.495	303.065.583
		152	78.012.540	2.428.532	10.130.270	112.968.571
		153	7.776.748	-	540.000	22.423.491
		214	310.369.296	314.607.791	426.368.542	4.042.657.131
		334	651.042.649	677.467.190	861.249.928	10.237.141.162
		3331	-	611.048	-	611.048
		3337	-	27.830.000	-	493.868.100
		3338	-	-	-	11.000.000

		3382		13.546.284	13.956.754	62.912.333	202.842.042
		3383		64.715.277	64.510.877	142.530.055	768.665.811
		3386		-	-	12.917.808	26.187.685
		3388		-	-	39.275.400	171.202.400
		351		2.849.855	2.849.855	25.581.054	122.145.800
		5111		-	12.220.962	-	12.220.962
		642		2.648.398.260	1.419.804.394	2.528.297.915	23.829.784.165
	111			61.168.000	30.832.000	155.778.000	709.921.114
	112			-	874.200	47.916.153	48.790.353
	911			2.587.230.260	1.388.098.194	2.324.603.762	23.071.072.698

DƯ ĐẦU	CÓ		-	-	-	-
PHÁT	NỢ		2.648.398.260	1.419.804.394	2.528.297.915	23.829.784.165
SINH	CÓ		2.648.398.260	1.419.804.394	2.528.297.915	23.829.784.165
DƯ CUỐI	CÓ		-	-	-	-

2.2.6. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là khoản lãi tiền gửi ngân hàng và tiền cho vay, chênh lệch tỷ giá, lãi khác.

❖ Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Công ty sử dụng tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

- + Giấy báo có
- + Sao kê giao dịch tài khoản tiền gửi không kỳ hạn
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 515
- + Các chứng từ liên quan khác

Ví dụ : Ngày 26 tháng 12 Công ty nhận được thông báo của Ngân hàng TMCP Nam Việt về lãi tiền gửi được hưởng đã nhập vào tài khoản của doanh nghiệp.

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng và các sổ sách chứng từ liên quan khác, cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ, rồi vào sổ cái TK 515.

Biểu số 17.

NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

105-CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Phòng giao dịch số 03

Số bút toán :98000 19067

Ngày giao dịch : 26/12/2010

Giờ giao dịch : 02:44:48

GIẤY BẢO CỐ

Tài khoản ghi có: 105-10-00-001780-5

Tên tài khoản : CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG

Số tiền ghi có : 2.395.484 VND

Bằng chữ : Hai triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn bốn trăm tám mươi bốn đồng

Ghi chú : TRẢ LÃI NHẬP GỐC

Chi nhánh giao dịch : 105

Giao dịch viên

Kiểm soát

Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng

Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

TK 515

Số: 229/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
Số	Ngày		TK nợ	TK có	
		Tháng 12-2010		515	
			1121		70.969.835
			1122		1.798.483
			1123		137.582.372
			1125		1.503.784
		Cộng			211.854.474

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký. họ tên)

Biểu số 19.

SỔ CÁI

Năm: 2010

TK515

Tháng			10	11	12	Cả năm
Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
	Nợ	Có				
	515		337.300.596	308.504.378	211.854.474	3.013.167.844
		911	337.300.596	308.504.378	211.854.474	3.013.167.844
		515	337.300.596	308.504.378	211.854.474	3.013.167.844
	1121		30.962.663	53.938.593	70.969.835	670.430.007
	1122		1.043.819	1.251.103	1.798.483	15.976.843
	1123		304.665.520	252.387.563	137.582.372	2.314.517.334
	1125		628.594	927.119	1.503.784	10.814.660
	211		-	-	-	1.429.000

DƯ ĐẦU	CÓ		-	-	-	-
PHÁT SINH	NỢ		337.300.596	308.504.378	211.854.474	3.013.167.844
	CÓ		337.300.596	308.504.378	211.854.474	3.013.167.844
DƯ CUỐI	CÓ		-	-	-	-

2.2.7. Hạch toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính trong kỳ bao gồm các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, chi phí chiết khấu cho khách hàng, chênh lệch tỷ giá, chi phí hoạt động tài chính khác. Chi phí lãi vay được tính bằng gốc khoản vay (x) lãi suất (x) số ngày vay.

- ❖ Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng TK 635- Chi phí tài chính.
- ❖ Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:
 - + Giấy báo nợ của Ngân hàng
 - + Sao kê giao dịch tài khoản tiền gửi không kỳ hạn
 - + Chứng từ ghi sổ
 - + Sổ cái TK 635
 - + Các chứng từ có liên quan khác.

Biểu số 20.

Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng

Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

TK 635

Số: 230/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
Số	Ngày		TK nợ	TK có	
		Tháng 12-2010	635		
				1121	110.023.000
				3388	159.239.347
		Cộng			269.262.347

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 21.

SỔ CÁI

Năm 2010

TK 635

Tháng			10	11	12	Cả năm
Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
	Nợ	Có				
	635		116.339.439	111.905.169	269.262.347	2.166.531.779
		1121	83.220.000	84.521.000	110.023.000	1.364.956.438
		1122	-	-	-	10.581.354
		144	-	-	-	3.962.384
		3388	33.119.439	27.384.169	159.239.347	787.031.603
		635	116.339.439	111.905.169	269.262.347	2.166.531.779
	911		116.339.439	111.905.169	269.262.347	2.166.531.779
DƯ ĐẦU	CÓ		-	-	-	-
PHÁT SINH	NỢ		116.339.439	111.905.169	269.262.347	2.166.531.779
	CÓ		116.339.439	111.905.169	269.262.347	2.166.531.779
DƯ CUỐI	CÓ		-	-	-	-

2.2.8. Hạch toán thu nhập khác

Thu nhập khác là tài khoản dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- + Tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- + Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật, của các tổ chức, cá nhân tặng cho Công ty
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên
- ❖ Để hạch toán các khoản thu nhập khác: Công ty sử dụng TK 711- Thu nhập khác .

❖ Chứng từ sổ kế toán sử dụng:

- + Biên bản đánh giá lại tài sản
- + Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Biên bản góp vốn,...
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 711
- + Các sổ sách liên quan

2.2.9. Hạch toán chi phí khác

Chi phí khác là chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của Công ty. Các khoản chi phí khác tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế
- + Các khoản chi phí khác
- ❖ Để hạch toán chi phí khác, Công ty sử dụng :
Tài khoản 811- Chi phí khác.
Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:
- + Biên bản đánh giá lại TSCĐ, vật tư hàng hoá
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 811, 821
- + Các sổ sách có liên quan

2.2.10 Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Kết quả hoạt động kinh doanh
- + Kết quả hoạt động tài chính
- + Kết quả hoạt động khác
- ❖ Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản
- + TK 911- Xác định kết quả kinh doanh
- + TK 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- ❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng:
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 911
- + Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, ...

Căn cứ vào sổ cái các TK 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, ... Cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kinh doanh đó Công ty lãi (lỗ) chuyển sang TK 421.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển từ các TK 511, 515, 632, 635, 641, 642, 711, 811, ... sang TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ $<$ Bên Có)

=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) $= 0$ (Bên Nợ $=$ Bên Có)

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)

=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421.

Biểu số 22

Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng

Mẫu số S02a- DN

Số 71, Điện Biên Phủ, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

TK911

Số: 245/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
Số	Ngày		TK nợ	TK có	
		Tháng 12-2010	911		40.419.416.683
				421	683.365.719
				632	34.240.347.816
				635	269.262.347
				641	593.364.277
				642	2.324603762
				811	-
				821	2.520.327.236
				911	40.419.416.683
			511		40.419.416.683
			515		211.854.474
			711		-
		Cộng			

Biểu số 23

SỔ CÁI
Năm 2010
TK 911

Tháng			10	11	12	Cả năm
Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
	Nợ	Có				
	911		25.714.838.958	30.110.875.397	40.631.271.157	451.009.107.484
		421	2.254.530.326	2.524.837.631	683.365.719	16.119.588.157
		632	20.263.463.298	25.719.116.409	34.240.347.816	399.453.113.172
		635	116.339.439	111.905.169	269.262.347	2.166.531.779
		641	491.542.845	366.917.994	593.364.277	7.674.336.158
		642	2.587.230.260	1.388.098.194	2.324.603.762	23.071.072.698
		811	1.732.790	-	-	4.138.284
		821	-	-	2.520.327.236	2.520.327.236
		911	25.714.838.958	30.110.875.397	40.631.271.157	451.009.107.484
	511		25.377.538.362	29.802.371.019	40.419.416.683	447.995.939.640
	515		337.300.596	308.504.378	211.854.474	3.013.167.844
	711		-	-	-	-
DƯ ĐẦU	CÓ		-	-	-	-
PHÁT SINH	NỢ		25.714.838.958	30.110.875.397	40.631.271.157	451.009.107.484
	CÓ		25.714.838.958	30.110.875.397	40.631.271.157	451.009.107.484
DƯ CUỐI	CÓ		-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG

Số 71- Điện Biên Phủ-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	452.443.674.104	392.881.552.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	4.447.734.464	2.832.247.667
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	VI.17	447.995.939.640	390.049.304.579
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	399.453.113.172	348.550.716.705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		48.542.826.468	41.498.587.874
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	3.013.167.844	1.838.074.540
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	2.166.531.779	1.812.406.143
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.370.895.334	1.453.586.000
8. Chi phí bán hàng	24		7.674.336.158	6.730.134.768
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.071.072.698	22.348.653.764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		18.644.053.677	12.445.467.739
11. Thu nhập khác	31		-	179.369.657
12. Chi phí khác	32		4.138.284	13.808.692
13. Lợi nhuận khác	40		(4.138.284)	165.560.965
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.639.915.393	12.611.028.704
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	2.520.327.236	1.832.938.887
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.119.588.157	10.778.089.818
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		8.060	7.172

Kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm 2009 và 2010 được thể hiện qua số liệu của các chỉ tiêu trong bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	
			Số (đ)	Tỷ lệ(%)
Tổng tài sản	164.789.693.986	194.195.972.141	29.406.278.155	15.14
Tổng doanh thu	392.881.552.246	452.443.674.104	59.562.121.858	13.16
Giá vốn hàng bán	348.550.716.705	399.453.113.172	50.902.396.467	12.74
Tổng lợi nhuận trước thuế	12.611.028.704	18.639.915.393	6.028.886.690	32.34
Nộp Ngân sách Nhà nước	1.832.938.887	2.520.327.236	687.388.349	27.27

(Nguồn tài liệu : Trích Báo cáo tài chính năm 2010)

Nhận xét: Với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 2 năm qua, ta thấy các chỉ tiêu kinh tế đạt được của năm 2010 đều tăng so với năm 2009. Qua đó nói lên rằng công ty ngày càng ổn định và từng bước phát triển vững chắc trong những năm đầu cổ phần hóa. Cụ thể:

– Tổng tài sản năm 2010 tăng **29.406.278.155 đ** tương đương với tỷ lệ tăng **15,14 %** so với năm 2009. Có được điều này là do trong năm 2010 doanh nghiệp đã đầu tư mua sắm thêm nhiều máy móc trang thiết bị chuyên dùng, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, xây dựng nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Điều đó được thể hiện ở:

– Tổng doanh thu năm 2010 tăng **59.562.121.858 đ** , tương đương với tỷ lệ tăng **13,16 %** so với năm 2009

– Giá vốn hàng bán năm 2010 tăng **50.902.396.467 đ** , tương đương với tỷ lệ tăng **12,74 %** so với năm 2009.

– Từ đó làm cho tổng lợi nhuận trước thuế năm 2010 tăng **6.028.886.690 đ**, tương đương với tỷ lệ tăng **32.34 %** so với năm 2009

– Khoản nộp Ngân sách Nhà nước năm 2010 so với năm 2009 cũng tăng **687.388.349 đ**, tương đương với tỷ lệ tăng **27.27 %** .

Từ kết quả trên ta thấy rằng, lợi nhuận công ty đạt được là chưa cao. Tuy vậy công ty vẫn duy trì được hoạt động ở mức lãi có thể, điều này nói lên sự cố

gắng của công ty trong tổ chức hoạt động kinh doanh. Trên đà này, cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công ty thúc đẩy hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả cao, tạo dựng thương hiệu và ngày càng phát triển ổn định. Sau đây là những phân tích cơ bản hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Năm 2010 mặc dù giá thuốc luôn giao động có chiều hướng tăng, công nợ của các bệnh viện kéo dài, cơ chế đấu thầu có nhiều thay đổi dẫn tới kế hoạch cung ứng của Công ty cũng biến động theo. Tuy nhiên, Sở Y tế vẫn xác định Công ty vẫn là đơn vị quan trọng trong công tác tham gia cung ứng thuốc cho các đơn vị khám chữa bệnh. Đây vẫn là mảng hoạt động chính của Công ty trong những năm qua chiếm 60% doanh số và thật sự mang lại hiệu quả cho công ty để công ty phát triển sản xuất.

Bộ phận bán hàng đã xây dựng được đội ngũ nhân viên năng động, phân nhóm hợp lý và chuyên sâu theo địa dư hành chính hoặc nhóm khách hàng và hiệu thuốc để phục vụ được tốt nhất. Các hiệu thuốc đã mua hàng của công ty nhiều hơn và lấy nhiều hàng do công ty sản xuất theo đúng chỉ tiêu giao cụ thể cho từng quầy, từng hiệu thuốc. Đây là tiến bộ rất lớn của các hiệu thuốc.

Chương 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG.

3.1 Các nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.1.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng phải được chú trọng. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Nắm vững chức năng, nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy, cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết và phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải bám sát thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.1.2 Nguyên tắc của việc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty phải dựa trên các nguyên tắc sau:

+ Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống sổ sách kế toán, chế độ kế toán, các chuẩn mực kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính. Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng vẫn phải tuân thủ nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

+ Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu thông tin phải nhanh chóng, kịp thời chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp , giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

3.2 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, hoạt động bán hàng xảy ra thường xuyên liên tục làm nảy sinh các mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng, giữa doanh nghiệp với người lao động, giữa doanh nghiệp với các nhà đầu tư và với Nhà nước. Những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò và tác động rất lớn đến các mối quan hệ này. Chính vì vậy mà kế toán trở thành công cụ đắc lực giúp ban giám đốc trong việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế bằng cách cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ các số liệu về kinh tế, phân tích chúng để các nhà quản lý có được một đánh giá đúng đắn thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khắc phục kịp thời những tồn tại và phát huy những ưu điểm, tiềm năng chưa được khai thác, từ đó đề ra các phương hướng quyết định sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

3.2.1. Ưu điểm trong công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

❖ Về bộ máy kế toán:

+ Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế

toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên.

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản lý.

+ Các phần việc kế toán được phân công tương đối rõ ràng cho từng kế toán viên trong phòng, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các phần hành kế toán với nhau, đảm bảo tính thống nhất trong phạm vi ghi chép. Từ đó tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu dễ dàng, phát hiện những sai sót để sửa chữa kịp thời, đảm bảo cung cấp thông tin giúp ban lãnh đạo Công ty đánh giá hiệu quả kinh doanh phù hợp với yêu cầu thị trường.

❖ Về hình thức kế toán:

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách kế toán sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên.

❖ Về sổ sách kế toán sử dụng:

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước.

Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

❖ Về hạch toán ban đầu:

Các chứng từ cho hạch toán ban đầu phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát triển, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ, đều có chữ ký của các bên liên quan tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu thực tế với số liệu sổ kế toán.

Sau khi hạch toán các chứng từ được lưu trữ cẩn thận từng bộ theo từng khoản mục, trình tự thời gian tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

❖ ***Về hệ thống tài khoản sử dụng:***

Công ty Cổ Phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ- BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kèm theo.

❖ ***Về việc ứng dụng công nghệ thông tin:***

Công ty cũng đang tích cực trong việc đưa máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán nhằm tăng tốc độ cung cấp thông tin, tăng độ chính xác của thông tin cung cấp và tăng hiệu quả của công tác kế toán.

❖ ***Về công tác kế toán doanh thu:***

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng nên công tác hạch toán doanh thu tại công ty hiện nay luôn đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác. Được sự hỗ trợ của hệ thống máy vi tính nên phần lớn doanh thu đều được hạch toán và theo dõi chặt chẽ. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Theo định kỳ, kế toán trưởng cùng các nhân viên trong phòng kế toán luôn kiểm tra số liệu báo cáo và đối chiếu với các chứng từ gốc của những khoản thu về và chi ra. Đây là cách làm rất tốt để kiểm tra tài chính và xử lý kịp thời các số liệu tại công ty.

❖ ***Về công tác kế toán chi phí:***

Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết tất cả các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm mọi cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại Công ty được theo dõi theo từng khoản mục để kiểm soát một cách chặt chẽ.

❖ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép và phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và dựa vào tình hình thực tế của công ty.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

Năm 2010 là một năm Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng gặp rất nhiều khó khăn: giá cả biến động, mảng hoạt động chính của Công ty là cung ứng thuốc cho các cơ sở điều trị tại thành phố Hải Phòng không còn thuận lợi như các năm trước (do UBND TP, Sở Y tế HP tổ chức đấu thầu rộng rãi việc cung ứng thuốc), Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP chưa đi vào khai thác,... Song với sự cố gắng của tập thể công nhân viên, sự chỉ đạo, giúp đỡ của UBND TP, các ban ngành của TP Hải Phòng, đặc biệt là Sở Y tế HP, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đề ra và từng bước đạt được lộ trình tổ chức sản xuất và kinh doanh cũng như tiến độ xây dựng Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP và khối kinh doanh đạt tiêu chuẩn GDP, GPP như kế hoạch đề ra trong 5 năm qua. Sau đây là các chỉ tiêu kế hoạch và các công tác khác đạt được trong năm 2010:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2010	TH năm 2010	% so với KH	% so với năm 2009
1	Giá trị tổng sản lượng	Tr.đ	45.000	43.119	96	113
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	450.000	452.444	100,6	114,3
3	Nộp Ngân sách	Tr.đ	3.500	4.593	131,2	136,3
4	Lợi nhuận sau thuế và chi cổ tức	Tr.đ	5.000	16.120	322,4	115
5	Thu nộp BHXH, BHYT, BHTN	Tr.đ		3.430	100	126
6	Thu nhập bình quân	Ng.đ	2.800	2.800	100	112

Qua các số liệu trên ta thấy các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đạt được của năm 2010 so với cùng kỳ năm 2009 thì đều tăng và vượt mức. Đặc biệt là các chỉ tiêu sản lượng, chỉ tiêu doanh thu đều tăng từ 15-30% so với năm 2009, các chỉ tiêu về chất lượng như: thực lãi gấp gần 3 lần nhưng thu nhập bình quân giảm 12% so với năm 2009. Năm 2010 là một năm thành công của công ty, các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đều tăng so với năm 2009, song sự tăng trưởng đó vẫn chưa ổn định vì:

Doanh số tăng trưởng và lãi chủ yếu là mảng cung ứng thuốc cho các cơ sở điều trị, nhưng hoạt động này phụ thuộc rất nhiều vào cơ chế chính sách như: các văn bản quy định của liên Bộ Y tế - Tài chính tổ chức đấu thầu rộng rãi của Bộ Y tế, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Công ty triển khai xây dựng Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-WHO gần như cuối cùng, trong khi các Nhà máy khác trên toàn quốc đã đọa vào sử dụng và khấu hao nên sự cạnh tranh giá cả, mặt hàng, thị phần rất quyết liệt.

3.2.2 Hạn chế trong công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những ưu điểm thì Công ty cũng còn có những hạn chế còn tồn tại cần hoàn thiện hơn nữa trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ Về sổ kế toán sử dụng

Hiện nay, tại Công ty đang sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, mặc dù chứng từ ghi sổ đã được lập nhưng thiếu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh.

Công ty không lập phiếu xuất kho khiến cho việc theo dõi số lượng vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho không được chặt chẽ.

Sổ cái tài khoản của Công ty không theo mẫu dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ mà theo mẫu dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ.

❖ Về việc ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu:

Hiện nay, mặc dù phòng kế toán đã trang bị đầy đủ máy vi tính nhưng kế

toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy, đôi lúc chưa xử lý được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc chưa áp dụng phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã gây không ít khó khăn cho các nhân viên kế toán trong việc tập hợp số liệu để vào các chứng từ, sổ sách kế toán, làm tăng khối lượng công việc của kế toán.

❖ Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động SXKD của Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng ngày càng phát triển và mở rộng, năm sau quy mô lớn hơn năm trước đòi hỏi các đơn vị SXKD, các phòng chức năng trong Công ty phải thực hiện thật tốt nhiệm vụ được giao theo quy chế phối hợp thật chặt chẽ với nhau để hỗ trợ nhau cùng phát triển, bảo toàn được vốn và có hiệu quả. Tuy nhiên trong những năm đầu sau cổ phần hóa việc phối hợp giữa các đơn vị SXKD, các Chi nhánh với các phòng chức năng của Công ty còn chưa chặt chẽ có một số cố gắng hạn chế cần rút kinh nghiệm.

Số dư nợ phải thu của khách hàng còn quá lớn, nhất là phòng Bán hàng, Chi nhánh tại Hà Nội.

3.3 Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.3.1. Sự tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt. Nhưng đóng vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, sự thành bại của mỗi doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép và phân loại tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán, chứng từ, đối ứng tài khoản, tổng hợp cân đối có thể biết được thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản và sự vận động của tài sản trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, các Báo cáo tài chính còn cung cấp các thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính triển vọng, phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong từng thời kỳ. Vì vậy cần phải

hoàn thiện công tác kế toán cho thích hợp với yêu cầu quản lý của nền kinh tế thị trường hiện nay. Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Việc hoàn thiện phải được thực hiện từ khâu hạch toán ban đầu đến khâu lập Báo cáo tài chính theo quyết định của Nhà nước. Các bước triển khai quá trình hoàn thiện phải nhất nhất tuân thủ theo một quy định chung và phải phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Có như vậy, quá trình hoàn thiện mới đảm bảo cung cấp hệ thống thông tin kịp thời, chính xác, vừa có tính chi tiết, vừa có tính tổng hợp về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ đó, giúp cho các nhà lãnh đạo kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và đưa ra các biện pháp chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình kinh doanh.

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý và trình độ cán bộ nhân viên kế toán trong đơn vị.

Việc hoàn thiện công tác kế toán còn góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời giúp những người quan tâm đến doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác kế toán này ngoài hiệu quả đem lại đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nó còn góp phần hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại công ty, giúp cho nhà quản lý có thể lãnh đạo hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn.

3.3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ Phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vọng sẽ đóng góp phần nào đó vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

Kiến nghị 1: Về kinh doanh nội địa

Là một công ty có uy tín lớn trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng giá trị lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên, trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như:

- Mở chi nhánh ở các tỉnh, thành phố khác để tìm kiếm bạn hàng mới, khách hàng mới cũng như để quảng bá thương hiệu của công ty.

- Tăng cường công tác tiếp thị, lợi ích kinh tế với các Chi nhánh Hiệu thuốc để đưa nhiều hàng hóa của Công ty khai thác và hàng Công ty sản xuất xuống các Chi nhánh Hiệu thuốc, quây bán lẻ.

- Phối hợp tốt hơn giữa các bộ phận của Công ty như mảng bán lẻ, cung ứng bệnh viện, các Chi nhánh, các khách hàng bán buôn của Công ty để thúc đẩy, tạo điều kiện và cơ hội cho tất cả các bộ phận cùng phát triển.

- củng cố phòng bán hàng, xây dựng hệ thống phân phối hàng sản xuất của Công ty chuyên nghiệp hơn và phân cấp hơn nữa cho các Chi nhánh tại Hà Nội và các đại lý ở các tỉnh khác.

Phòng Bán hàng (bán hàng SXCN), Chi nhánh Công ty tại Hà Nội phải có biện pháp thu hồi công nợ trình HĐQT, Ban giám đốc. Các phòng Kinh doanh, phòng Thị trường, phòng Bán hàng và phòng Kế toán – Thống kê phải thường xuyên đối chiếu, đôn đốc khách hàng trả nợ để giảm tối đa rủi ro về vốn, tài sản, giảm chi phí huy động vốn của Công ty.

Đề nghị HĐQT – Ban giám đốc ban hành Quy chế thưởng phạt về chế độ bán hàng, thu nộp tiền hàng, nhất là các mặt hàng Công ty sản xuất. Quy chế này do các phòng chức năng phối hợp dự thảo trình HĐQT – Giám đốc Công ty duyệt thực hiện.

Hỗ trợ các hiệu thuốc mở rộng thêm đại lý tuyến xã, mở rộng mạng lưới bán lẻ của Công ty đối với tuyến huyện xã và phối hợp với hiệu thuốc để quản lý tốt hơn công tác chuyên môn

Kiến nghị 2: Về sản xuất công nghiệp

Cần tăng cường cán bộ kỹ thuật, được sĩ đại học cho khối sản xuất, đào tạo công nhân và cán bộ liên quan nhằm thực hiện tốt các thao tác chuẩn GMP

Tiếp tục cải tiến mẫu mã bao bì và hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty hiện có.

Xây dựng và đưa vào sản xuất các mặt hàng mới cho nhà máy.

Kiến nghị 3: Về cung ứng thuốc cho bệnh viện

Công ty xác định đây vẫn là mảng hoạt động chính của Công ty, tạo nguồn lực để Công ty triển khai các hoạt động khác. Vì vậy cần phát huy triệt để lợi thế của Công ty là công tác cung ứng thuốc cho các cơ sở điều trị trong nhiều năm liền với tỷ trọng tương đối cao nên có nhiều kinh nghiệm và có mối quan hệ mật thiết và uy tín với các cơ sở điều trị trong công tác cung ứng thuốc: nhanh, đủ, kịp thời, có chất lượng. Trên cơ sở đó phòng kinh doanh cần có cách nhìn mới trong công tác cung ứng triển khai kết quả đấu thầu và bố trí con người cho phù hợp từng khách hàng và từng bệnh viện, cũng như lựa chọn các nhà cung ứng có tiềm lực và trung thành hợp tác với công ty để Công ty luôn giữ được thị phần. Trên cơ sở những lợi thế của mảng cung ứng thuốc cho bảo hiểm y tế sẽ phối kết hợp các mảng khác như bán buôn, hàng do Công ty sản xuất, các chi nhánh để tăng doanh thu, đối trừ công nợ để cùng phát triển.

Kiến nghị 4: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác và thuận tiện hơn.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Do vậy, để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán. Công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán như: Phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Admin, phần mềm kế toán Enter, phần mềm kế toán Fast...

Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian, đôi khi còn sai lệch số liệu, giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên,

góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu, nhàm chán, để họ dành nhiều thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, công ty nên sử dụng kế toán trên máy. Tuy chi phí bỏ ra không phải là nhỏ nhưng theo em nghĩ với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho doanh nghiệp.

Ứng dụng máy vi tính trong công tác kế toán ở Việt Nam là một vấn đề đang được các nhà quản lý và nhiều người có nghiệp vụ kế toán quan tâm. Khi áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán thì công ty phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết về máy tính, chương trình kế toán máy, nhân viên kế toán làm nhiệm vụ nhập dữ liệu vào máy.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

Việc tổ chức, ghi chép, hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị do máy tính nhận dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào.

Cuối kỳ, các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng máy sẽ khai báo với máy những yêu cầu cần thiết (Sổ cái, báo cáo doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin mà kế toán yêu cầu.

Kiến nghị 5: Hoàn thiện hơn nữa trong việc sử dụng sổ sách.

Trong các chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Sổ chi tiết kế toán nên chú ý ghi đầy đủ các thông tin về số hiệu, ngày tháng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu. Việc này là rất cần thiết. Ngoài ra, Công ty kê khai quá nhiều nghiệp vụ vào một Chứng từ ghi sổ dễ gây nhầm lẫn khi đối chiếu kiểm tra số liệu. Vì vậy, nên kê khai mỗi Chứng từ ghi sổ ứng với một nghiệp vụ kế toán.

Về trình tự ghi sổ kế toán, Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng sử dụng hình thức ghi sổ “Chứng từ ghi sổ”. Nhưng trong thực tế kế toán Công ty lại

không sử dụng Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ, đây là một thiếu sót cần khắc phục ngay vì Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ là một sổ kế toán tổng hợp được ghi chép theo thời gian, phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng. Nó có tác dụng:

Quản lý chặt chẽ chứng từ ghi sổ, kiểm tra đối chiếu số liệu với Sổ cái.

Mọi chứng từ ghi sổ sau khi đã lập xong đều phải đăng kí vào Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ để lấy số liệu về ngày tháng.

Tổng số tiền trên Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ bằng số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối số phát sinh. Điều này giúp cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu được chính xác và nhanh chóng.

Từ những tác dụng nêu trên, Công ty nên đưa Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ vào để sử dụng cho phù hợp với hình thức kế toán sử dụng..Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ được lập theo mẫu. (Biểu số: 3.1)

Mặt khác,Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng sử dụng hình thức ghi sổ “Chứng từ ghi sổ”. Nhưng trong thực tế Sổ cái của Công ty lại không theo mẫu Sổ cái dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, điều này là sai với quy định của chuẩn mực kế toán, Vì vậy, Công ty nên thay lại mẫu Sổ cái cho phù hợp với quy định chung theo quyết định số 15 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Sổ cái dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được lập theo mẫu. (Biểu số 3.2)

Biểu số: 3.1

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng

Mẫu số: S02b – DN

Số 71, Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm: 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
.....		
226	31/12/2010	34.368.730.127
227	31/12/2010	493.364.277
228	31/12/2010	2.528.297.215
229	31/12/2010	211.854.474
230	31/12/2010	269.262.347
.....		
245/12	31/12/2010	40.419.416.683
.....		
Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 – DN

Số 71, Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:

Tên tài khoản:

Số hiệu:

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	S/hiệu TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu năm				
			Số phát sinh tháng				
			Cộng phát sinh tháng				
			Số dư cuối tháng				
			Cộng lũy kế từ đầu quý				

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động kinh doanh sẽ tạo điều kiện cho Ban giám đốc công ty đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới. Trong quá trình tổ chức bộ máy kế toán không tránh khỏi bộ phận kế toán còn những sai sót trong vấn đề xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nhưng đó chỉ là tạm thời. Ngày nay, Công ty đã và đang có những bước tiến quan trọng trong việc mở rộng cả về quy mô cũng như chất lượng. Và trong tương lai công ty cũng sẽ đạt được những kết quả tốt hơn với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của ban giám đốc và toàn bộ nhân viên trong công ty.

Khoá luận của em với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng” đã đề cập đến những vấn đề sau:

Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Về mặt thực tế: Khoá luận đã phản ánh khá đầy đủ và trung thực về công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng với số liệu minh chứng của năm 2010

Về kiến nghị, đề xuất: Đối chiếu với lý luận và tình hình thực tế tại Công ty. Khoá luận đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở lý luận, chế độ chính sách của Nhà nước, tình hình thực tế của Công ty nên trong một chừng mực nào đó đều có tính khả thi trong doanh nghiệp.

Do thời gian thực tập ngắn, khả năng còn hạn chế trong khi đó đề tài thì rộng với nhiều vấn đề nên em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo và tất cả những ai quan tâm đến bài khoá luận này để em có thể củng cố và nâng cao kiến thức phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán sau này.

Khóa luận tốt nghiệp – Đại học Dân Lập Hải Phòng

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ban giám đốc Công ty, các cô, các chị trong phòng Kế toán tài chính Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng đã cung cấp số liệu cho bài viết này của em. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến cô giáo hướng dẫn **PGS.TS.Trương Thị Thủy** - người đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày....tháng ... năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Loan

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán Doanh nghiệp (Ban hành theo quyết định số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) –Nhà xuất bản Tài Chính.
2. Giáo trình hạch toán kế toán trong các Doanh nghiệp – Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân- 2006. Chủ biên: PGS.TS.Nguyễn Thị Đông.
3. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – PGS.TS.Trương Thị Thủy.
4. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
5. Các bài khóa luận tốt nghiệp của sinh viên trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
6. Số liệu và bảng trích tài liệu từ nguồn tài liệu phòng Kế toán Tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.
7. Các trang web chính thức của Chính phủ, Nhà nước, các trang web kinh tế.